BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Lương
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH QUANG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Lương
Giảng viên hướng dẫn: Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG - 2012

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Lương Mã SV: 1013401094

Lớp: QTL402K Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp thương mại: tìm hiểu về một số khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh và những nội dung cơ bản.

- Thực trạng về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác đinh kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang: tìm hiểu chi tiết và cụ thể hơn công tác kế toán tại Công ty này.

- Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang: rút ra những ưu nhược điểm của Công ty, đồng thời đưa ra các kiến nghị để khắc phục các nhược điểm đó.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Các chứng từ, tài liệu, sổ sách kế toán liên quan đến doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Số liệu được lấy từ tháng 12/2011

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

- Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang
- Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh - Cát Dài - Lê Chân - Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Lê Thị Nam Phương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 02 tháng 04 năm 2012

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 07 tháng 07 năm 2012

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN	Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên	Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2012

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. **Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

- Nghiêm túc trong nghiên cứu tài liệu và tìm hiểu thực tiễn của doanh nghiệp.
- Chăm chỉ, khiêm tốn, cố gắng, nỗ lực trong quá trình làm bài.
- Hoàn thành khoá luận theo đúng tiến độ của giảng viên hướng dẫn và của nhà trường.

2. **Đánh giá chất lượng của khóa luận :**

- Bài viết trình bày rõ cơ sở lý luận theo đề tài nghiên cứu.
- Nắm được tình hình kế toán tại doanh nghiệp và công tác kế toán theo đề tài được giao.
- Đánh giá được thực trạng công tác kế toán theo đề tài tại doanh nghiệp.
- Đã đề xuất và phân tích một số giải pháp tương đối phù hợp.
- Phương pháp trình bày dễ hiểu, văn phong gọn gàng.
- Tuy nhiên một số giải pháp đưa ra cần phân tích sâu, cụ thể hơn thì giải pháp sẽ thuyết phục hơn.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

……..

……..

Hải Phòng, ngày .... tháng .... năm .....

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Lê Thị Nam Phương

LỜI MỞ ĐẦU

Hòa cùng với sự phát triển của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới, nền kinh tế Việt Nam trong những năm qua đã có những chuyển biến mạnh mẽ, chúng ta đã từng bước công nghiệp hóa – hiện đại hóa nền kinh tế và hội nhập kinh tế một cách sâu rộng. Trên trường quốc tế, Việt Nam cũng được đánh giá là một nước giàu tiềm lực phát triển, là nơi thu hút vốn đầu tư từ khắp các châu lục. Nhất là khi Việt Nam đã gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), điều này sẽ mang lại cho các doanh nghiệp Việt Nam nhiều cơ hội vô cùng quý báu và đồng thời cũng tạo nhiều thử thách lớn. Một trong những thách thức lớn nhất mà doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam sẽ phải đối mặt đó là do sức ép cạnh tranh với các công ty trong nước, quốc tế, đặc biệt là các tập đoàn đa quốc gia, những công ty hùng mạnh về cả vốn, thương hiệu và trình độ quản lý đang ngày càng gia tăng và trở nên gay gắt. Do đó, mỗi doanh nghiệp không những phải tự lực vươn lên trong quá trình sản xuất kinh doanh mà còn phải biết phát huy tối đa tiềm năng của mình để đạt được hiệu quả kinh tế cao nhất.

Bên cạnh các phương thức xúc tiến thương mại để đẩy nhanh tốc độ tiêu thụ với mục đích cuối cùng là đem lại lợi nhuận cao, các doanh nghiệp còn phải biết nắm bắt những thông tin, số liệu cần thiết, chính xác từ bộ phận kế toán để kịp thời đáp ứng các yêu cầu của nhà quản lý, có thể công khai tài chính thu hút nhà đầu tư, tham gia vào các thị trường tài chính.

Đặc biệt là đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, lại là một doanh nghiệp có quy mô nhỏ nên càng phải cố gắng nhiều, phải thể hiện được vị trí của mình trong quá trình hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới. Qua nhiều năm hoạt động, công ty đã từng bước khẳng định mình trên thương trường, giữ vững được vị thế của mình trên thị trường và việc đẩy mạnh công tác kế toán chi phí, tiêu thụ cũng như xác định đúng kết quả kinh doanh là vấn đề có ý nghĩa rất thiết thực. Điều đó không những sẽ giúp cho nhà quản lý đưa ra những phương thức tiêu thụ hàng hóa hữu hiệu, bảo toàn vốn, đẩy nhanh vòng quay vốn,

đem đến cho doanh nghiệp hiệu quả kinh tế cao nhất mà còn giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường cạnh tranh.

Với nhận thức trên và qua thời gian thực tập tại công ty, em quyết định đi sâu nghiên cứu đề tài sau:

"Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang"

Nội dung đề tài tập trung nghiên cứu công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh (kết quả tiêu thụ) theo hình thức Nhật ký Chung tại công ty. Trên cơ sở đó đề ra những kiến nghị giúp hoàn thiện hệ thống kế toán này để công ty có thể kiểm tra, giám sát chặt chẽ hơn tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh, quá trình tiêu thụ hàng hóa và phản ánh chính xác, kịp thời kết quả tiêu thụ giúp công ty nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp thương mại.

Chương 2: Thực trạng về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang

Chương 3: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang.

Mặc dù em đã cố gắng hết sức nhưng do cơ hội tiếp xúc với thực tế và kiến thức có hạn nên đề tài của em không tránh khỏi những thiếu sót. Trong quá trình thực tế, em đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của phòng Tài chính kế toán của Công ty, cùng với sự hướng dẫn của cô giáo Thạc sĩ Lê Thị Nam Phương đã giúp em hoàn thiện đề tài này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÁC DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI

1.1. Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác đinh kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa hết sức quan trọng, quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp, nhất là khi đất nước đang chuyển sang nền kinh tế thị trường và đã gia nhập WTO. Vì quá trình này chuyển hóa vốn từ hình thái hiện vật sang hình thái giá trị " tiền tệ", doanh nghiệp không bị chiếm dụng vốn và tiết kiệm được chi phí vốn để tái sản xuất kinh doanh. Các doanh nghiệp không được nhà nước hỗ trợ về bất cứ mặt nào như tìm kiếm đầu vào, đầu ra cho sản phẩm, buộc các doanh nghiệp phải tự thân vận động , chủ động tìm kiếm khách hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ...Để thực hiện điều này, các doanh nghiệp đứng trước nhiều khó khăn và thử thách, nhất là đối với doanh nghiệp có công tác bán hàng kém hiệu quả.

Các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển đều phải hoạt động theo nguyên tắc " lấy thu bù chi và có lãi". Lãi là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp quan trọng của các doanh nghiệp, nó thể hiện kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng hoạt động của doanh nghiệp.

Tổ chức công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng không chỉ có vai trò quan trọng đối với mỗi doanh nghiệp mà còn đối với tất cả các đối tượng khác như các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với các cơ quan quản lý vĩ mô...

1.1.2. Khái niệm và phân loại doanh thu trong doanh nghiệp thương mại

a. Khái niệm

Doanh thu là tổng giá trị của lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản vốn góp của cổ đông hoặc chủ sở hữu.

b. Phân loại

Doanh thu phát sinh trong quá trình hoạt động thông thường của doanh nghiệp và thường bao gồm: Doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia…

Trong một doanh nghiệp thương mại, do hoạt động chủ yếu là hoạt động bán hàng thu lợi nhuận nên nguồn doanh thu chủ yếu chiếm vị trí quan trọng trong một doanh nghiệp thương mại là doanh thu từ hoạt động bán hàng. Doanh thu bán hàng gồm có hai loại:

- Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ ra bên ngoài
- Doanh thu cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp

Bên cạnh đó, khi hạch toán doanh thu còn phải chú ý đến các khoản giảm trừ doanh thu, bao gồm:

+ Hàng bán bị trả lại
+ Chiết khấu thương mại
+ Giảm giá hàng bán

c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Kế toán phải mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu cho từng hoạt động kinh doanh.

- Doanh thu bán hàng được ghi theo giá hóa đơn, các khoản chiết khấu bán hàng, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại được phản ánh ở tài khoản riêng. Cuối kỳ được kết chuyển để giảm doanh thu hóa đơn.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện:

a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.

b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;

e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh nghiệp phải xác định thời điểm chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua trong từng trường hợp cụ thể. Trong hầu hết các trường hợp, thời điểm chuyển giao phần lớn rủi ro trùng với thời điểm chuyển giao lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hợp pháp hoặc quyền kiểm soát hàng hóa cho người mua.

- Trường hợp doanh nghiệp vẫn còn chịu phần lớn rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa thì giao dịch không được coi là hoạt động bán hàng và doanh thu không được ghi nhận. Doanh nghiệp còn phải chịu rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa dưới nhiều hình thức khác nhau, như:

+ Doanh nghiệp còn phải chịu trách nhiệm để đảm bảo cho tài sản được hoạt động bình thường mà việc này không nằm trong các điều khoản bảo hành thông thường;

+ Khi việc thanh toán tiền bán hàng còn chưa chắc chắn vì phụ thuộc vào người mua hàng hóa đó;

+ Khi hàng hóa được giao còn chờ lắp đặt và việc lắp đặt đó là một phần quan trọng của hợp đồng mà doanh nghiệp chưa hoàn thành;

+ Khi người mua có quyền huỷ bỏ việc mua hàng vì một lý do nào đó được nêu trong hợp đồng mua bán và doanh nghiệp chưa chắc chắn về khả năng hàng bán có bị trả lại hay không.

- Nếu doanh nghiệp chỉ còn phải chịu một phần nhỏ rủi ro gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa thì việc bán hàng được xác định và doanh thu được ghi nhận. Ví dụ doanh nghiệp còn nắm giữ giấy tờ về quyền sở hữu hàng hóa chỉ để đảm bảo sẽ nhận được đủ các khoản thanh toán.

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận chỉ khi đảm bảo là doanh nghiệp nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Trường hợp lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng còn phụ thuộc yếu tố không chắc chắn thì chỉ ghi nhận doanh thu khi yếu tố không

chắc chắn này đã xử lý xong (ví dụ, khi doanh nghiệp không chắc chắn là Chính phủ nước sở tại có chấp nhận chuyển tiền bán hàng ở nước ngoài về hay không). Nếu doanh thu đã được ghi nhận trong trường hợp chưa thu được tiền thì khi xác định khoản tiền nợ phải thu này là không thu được thì phải hạch toán vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ mà không được ghi giảm doanh thu. Khi xác định khoản phải thu là không chắc chắn thu được (Nợ phải thu khó đòi) thì phải lập dự phòng nợ phải thu khó đòi mà không ghi giảm doanh thu. Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được thì được bù đắp bằng nguồn dự phòng nợ phải thu khó đòi.

1.1.3. Khái niệm và phân loại chi phí trong các doanh nghiệp thương mại

a. Khái niệm

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Chi phí sản xuất kinh doanh là sự tiêu hao các yếu tố nguồn lực cho sản xuất kinh doanh như nguyên vật liệu, nhân công, khấu hao tài sản cố định và các khoản chi phí khác để tạo ra thành phẩm và dịch vụ . Xét trong quá trình chu chuyển vốn thì chi phí được coi là yếu tố đầu vào để đổi lấy các yếu tố đầu ra, đó là doanh thu thành phẩm hay dịch vụ .

Đối với các doanh nghiệp thương mại nhỏ và vừa thì chi phí hoạt động kinh doanh chủ yếu bao gồm: Giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh.

b. Phân loại chi phí

Trong một doanh nghiệp thông thường, chi phí bao gồm các chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh trong quá trình hoạt động thông thường của doanh nghiệp và các chi phí khác. Trong doanh nghiệp thương mại, do đặc điểm của hoạt động kinh doanh thương mại là quá trình lưu thông, phân phối hàng hóa trên thị trường mà không qua khâu sản xuất nên chi phí của doanh nghiệp thương mại không bao gồm chi phí sản xuất. Chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp thương mại bao gồm: giá vốn hàng bán, chi phí quản lý

kinh doanh. Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền, hàng tồn kho…

Có nhiều tiêu thức để phân loại chi phí, trong đó có các tiêu thức phân loại chính là phân loại theo phạm vi của chi phí và phân loại theo từng hoạt động của chi phí.

Theo phạm vi chi phí thì chi phí bao gồm các loại sau:

- Giá vốn hàng bán
- Chi phí quản lý kinh doanh

Theo hoạt động của chi phí thì chi phí gồm các loại:

- Chi phí hoạt động tiêu thụ hàng hóa
- Chi phí hoạt động tài chính
- Chi phí hoạt động khác

c. Nguyên tắc ghi nhận chi phí

- Doanh nghiệp phải hạch toán đầy đủ chi phí phát sinh trong năm tài chính và phải hạch toán chi tiết đối với từng khoản chi phí.

- Kế toán phải mở sổ chi tiết theo dõi từng nội dung chi phí (giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh) và từng khoản chi phí.

+ Đối với giá vốn hàng bán: Vì hàng hóa xuất kho với nhiều mục đích khác nhau như xuất bán, xuất gửi bán, xuất để luân chuyển nội bộ… kế toán phải mở sổ chi tiết theo dõi tình hình xuất kho cho từng mục đích nói trên.

Hàng ngày, nhân viên kế toán có thể sử dụng giá hạch toán để hạch toán chi tiết (giá hạch toán do doanh nghiệp quy định và phải ổn định trong nhiều kỳ kế toán, không có tác dụng giao dịch với bên ngoài). Nếu sử dụng giá hạch toán để nhập- xuất kho thành phẩm, hàng hóa thì phải tính ra giá thực tế để ghi sổ kế toán tổng hợp.

Đối với những doanh nghiệp kế toán tổng hợp và chi tiết theo giá mua thực tế thì có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá hàng xuất kho sau:

- ❖ Theo phương pháp nhập trước xuất trước
- ❖ Theo phương pháp nhập sau xuất trước
- ❖ Theo phương pháp bình quân gia quyền
  - ✓ Bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ

✓ Bình quân gia quyền liên hoàn sau mỗi lần nhập

❖ Theo phương pháp thực tế đích danh

Trường hợp mua hàng ở nhiều nguồn khác nhau, nếu cùng một thứ hàng hóa sẽ có giá mua, chi phí vận chuyển khác nhau thì kế toán phải mở sổ theo dõi chi phí mua hàng để cung cấp số liệu cho việc phân bổ chi phí này cho hàng xuất kho.

+ Đối với chi phí quản lý kinh doanh (bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp), kế toán phải mở sổ theo dõi chi tiết đối với từng nội dung chi phí và theo từng khoản chi phí. Về nguyên tắc, toàn bộ chi phí quản lý kinh doanh tập hợp được trong kỳ kết chuyển hết vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh. Song, đối với doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh dài, trong kỳ có ít hàng hóa tiêu thụ thì cuối kỳ hạch toán có thể phân bổ cho hai bộ phận: hàng đã bán và hàng hóa tồn kho.

1.2. Kế toán doanh thu, chi phí trong các doanh nghiệp thương mại

1.2.1. Kế toán doanh thu

1.2.1.1. Kế toán doanh thu

Doanh thu là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ 3 không phải là nguồn lợi kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp không được coi là doanh thu

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này được dùng để phản ánh tổng số doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động SXKD từ các giao dịch và các nghiệp vụ sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư
- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động...

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ:

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán

- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Kết chuyển cuối kỳ của khoản chiết khấu thương mại, khoản giảm giá hàng bán, doanh thu hàng bán bị trả lại.

- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911-Xác định kết quả kinh doanh

Bên có:

- Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 cuối kỳ không có số dư

Tài khoản 511-Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, có 4 tài khoản cấp 2:

- TK 5111 – Doanh thu bán hàng hoá: phản ánh doanh thu của khối lượng hàng hoá đã xác định là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp

- TK 5112 – Doanh thu bán các thành phẩm: phản ánh doanh thu của khối lượng sản phẩm được xác đinh là đã bán trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp

- TK 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ: phản ánh doanh thu khối lượng dịch vụ đã hoàn thành, đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là bán trong một kỳ kế toán

- TK 5118 – Doanh thu khác: phản ánh về cho thuê hoạt động, nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư, các khoản trợ cấp, trợ giá của Nhà nước…

Nguyên tắc hạch toán TK 511

- Đối với hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa thuế.

- Đối với những hàng hoá dịch vụ thuộc đối tượng không chịu GTGT hoặc chịu thuế theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bằng tổng giá thực tế.

- Những doanh nghiệp nhận gia công hàng hoá, vật tư thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế hưởng, không bao gồm giá trị vật tư hàng hoá nhận gia công.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá trả ngay và ghi vào doanh thu tài chính phần tính lãi trên khoản phải trả nhưng trả chậm.

- Trường hợp trong kỳ doanh nghiệp đã viết hoá đơn bán hàng và thu tiền nhưng cuối kỳ chưa giao hàng thì giá trị số hàng này không được xem là đã tiêu thụ và không được ghi vào TK 511 mà hạch toán vào bên có TK 131 về khoản đã thu của khách hàng. Khi hàng hoá được giao cho khách hàng thì hạch toán vào TK 511.

- Đối với trường hợp cho thuê tài sản có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ ghi nhận của năm là số tiền cho thuê được xác định trên cơ sở lấy toàn bộ tổng số tiền thu được chia số năm cho thuê tài sản.

Đối với doanh nghiệp thực hiện nghiệp vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.

Tài khoản 512 – doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu cung cấp của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, lao vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ: - Trị giá hàng bán trả lại (theo giá tiêu thụ nội bộ), khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ trong kỳ, số thuế tiêu thụ đặc biệt, số thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp của số hàng hoá tiêu thụ nội bộ.

- Kết chuyển doanh thu nội bộ thuần vào tài khoản xác định kết quả kinh doanh.

Bên có: -Tổng số doanh thu nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

Khi sử dụng tài khoản này cần chú ý một số vấn đề sau:

- Tài khoản này chỉ sử dụng cho các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc trong một công ty hay tổng công ty nhằm phản ánh số doanh thu tiêu thụ nội bộ doanh nghiệp trong kỳ.

- Chỉ phản ánh vào tài khoản này số doanh thu của khối lượng sản phẩm hàng hoá, dịch vụ, lao vụ của các đơn vị thành viên cung cấp lẫn nhau.

- Không hạch toán vào tài khoản này các khoản doanh thu bán hàng cho các doanh nghiệp không trực thuộc công ty, tổng công ty.

Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và doanh thu nội bộ được thực hiện theo sơ đồ sau:

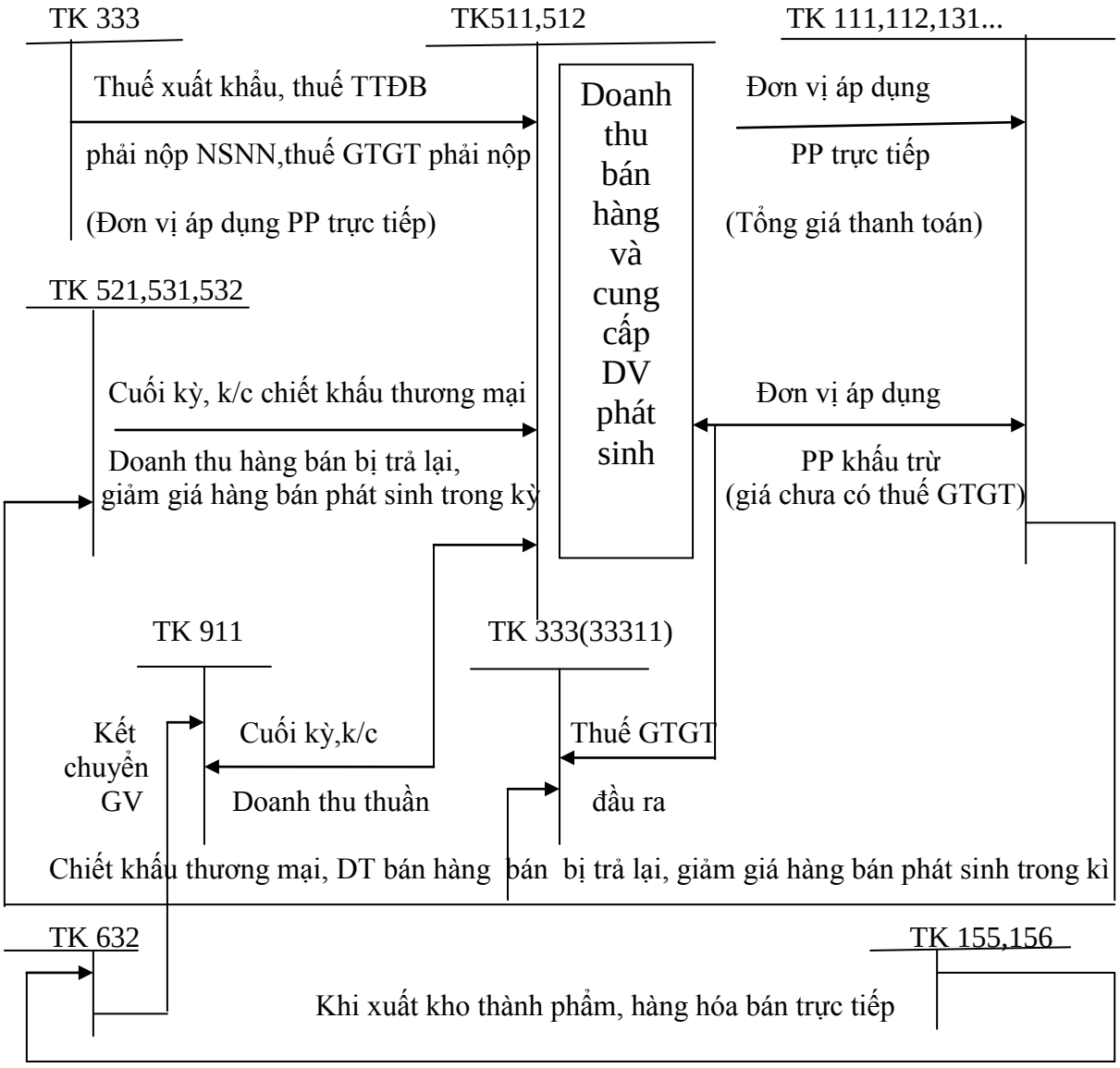

Sơ đồ 1. Hạch toán doanh thu bán hàng

1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu:

Dùng để phản ánh toàn bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính giảm trừ vào doanh thu được phản ánh trong TK 521 bao gồm: Chiết khấu thương mại, giá trị hàng bán bị trả lại và các khoản giảm giá cho người mua trong kỳ hạch toán:

- Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng với khối lượng lớn.
- Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán xác định là đã bán bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.
- Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do bán hàng kém phẩm chất, sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế hoặc lạc hậu thị hiếu.

***Kết cấu tài khoản*:**

Bên nợ: -Trị giá của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa bán ra

-Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng.

Bên có: -Kết chuyển số chiết khấu thương mại sangTK 511-doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

TK 521-Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3 tài khoản cấp2:

- TK 5211- Chiết khấu thương mại: Phản ánh số giảm giá cho người mua hàng với khối lượng hàng lớn được ghi trên hóa đơn bán hàng hoặc các chứng từ khác liên quan đến bán hàng.
- TK 5212-Hàng bán bị trả lại: Phản ánh trị giá bán của số sản phẩm, hàng hóa đã bán bị khách hàng trả lại.
- TK 5213-Giảm giá hàng bán: Phản ánh các khoản giảm giá hàng bán so với giá bán ghi trong Hóa đơn GTGT hoặc Hóa đơn bán hàng thông thường phát sinh trong kỳ.

Trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được thực hiện theo sơ đồ sau:

❖ **Đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ**

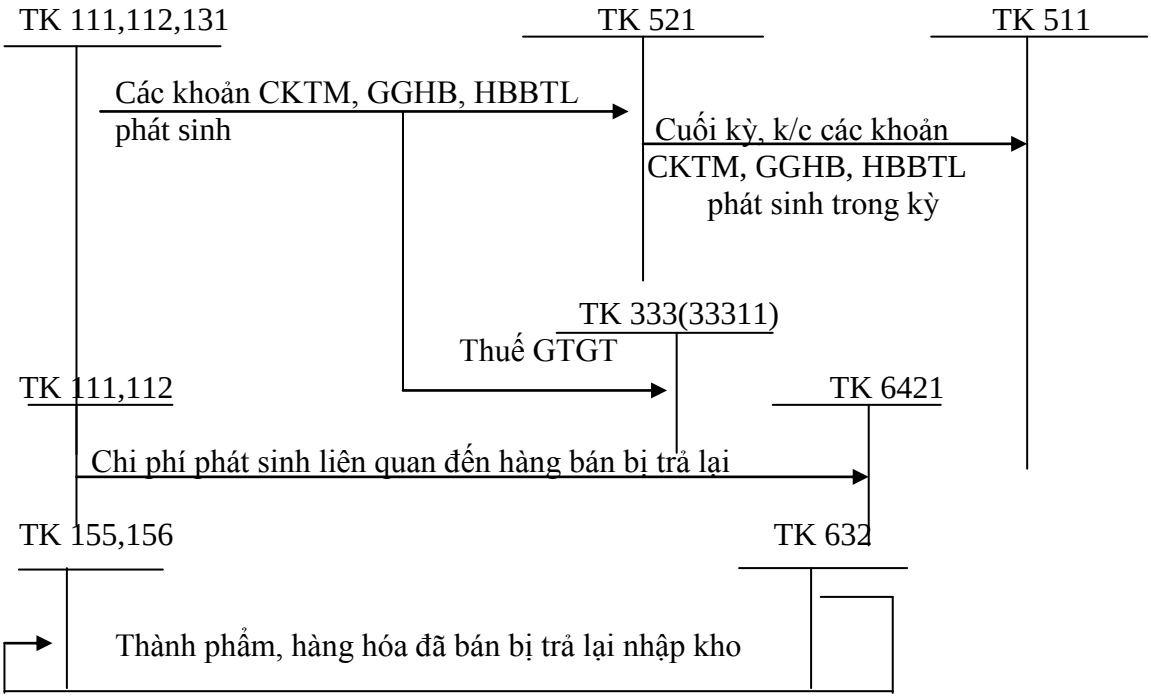

❖ **Đơn vị tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp**

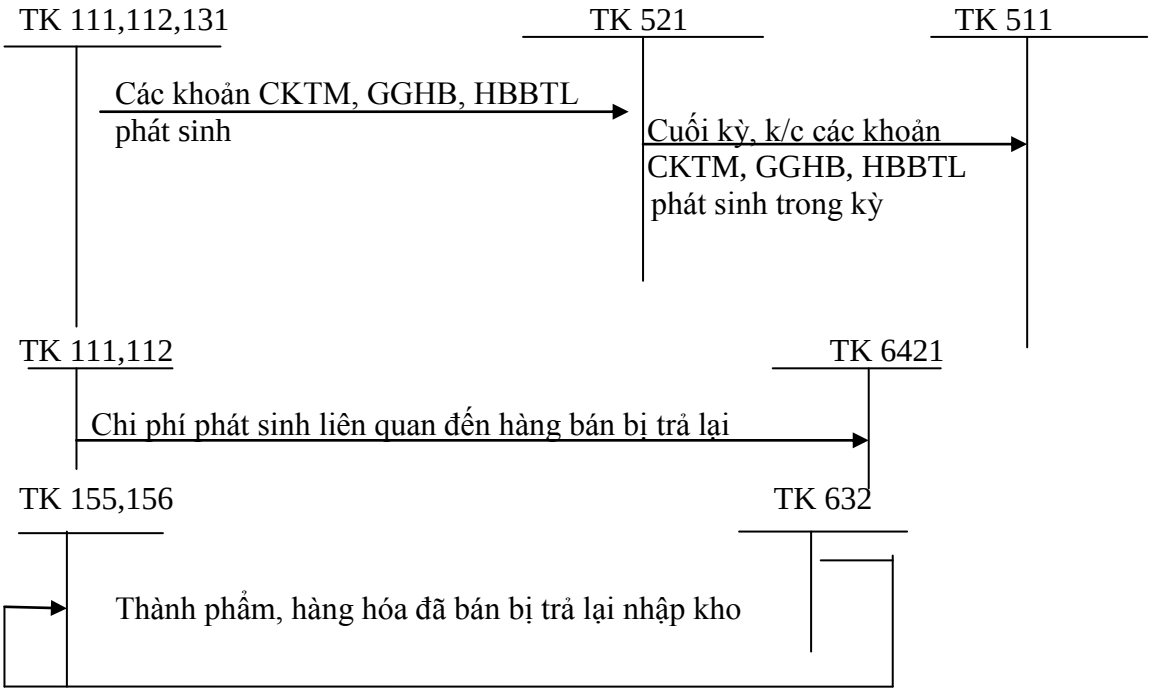

Sơ đồ 2. Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2. Kế toán chi phí

1.2.2.1. Kế toán chi phí mua hàng

Nội dung chi phí mua hàng: Chi phí mua hàng là các khoản chi tiêu cần thiết để doanh nghiệp thực hiện nghiệp vụ mua hàng và dự trữ kho hàng. Thuộc chi phí mua hàng gồm các khoản sau:

- Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, bốc xếp hàng mua
- Chi phí kho bãi chứa đựng hàng hóa trung gian
- Chi phí trả lệ phí cầu, đường, phà phát sinh khi mua
- Chi phí hoa hồng môi giới liên quan tới khâu mua hàng
- Chi phí hao hụt hàng mua trong định mức

Chi phí mua hàng được tập hợp trực tiếp hoặc gián tiếp cho số hàng mua thuộc kỳ báo cáo, cuối kỳ phân bổ cho hàng bán ra kỳ báo cáo 100% mức chi thực tế hoặc phân bổ cho giá vốn hàng bán theo tỷ lệ hàng bán ra và hàng tồn cuối kỳ.

$$\text{Phí thu mua phân bổ cho hàng bán} = \frac{\text{Chi phí mua đầu kỳ} + \text{Chi phí mua phát sinh}}{\text{Giá mua của hàng xuất bán} + \text{Giá mua hàng tồn cuối kỳ}} \times \text{Giá mua của hàng bán ra trong kỳ}$$

Hạch toán kế toán chi phí mua hàng ngoài giá mua: Tùy thuộc doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên hay kiểm kê định kỳ để hoạch toán các loại hàng tồn kho mà doanh nghiệp thể hiện nguyên tắc ghi chép các nghiệp vụ tập hợp, tiếp chuyển số chi phí mua hàng trên TK 156 hoặc TK 6112 – chi tiết chi phí mua hàng.

- Trường hợp doanh nghiệp áp dụng phương pháp hạch toán kê khai thường xuyên, kế toán chi phí mua hàng thực hiện theo sơ đồ sau:

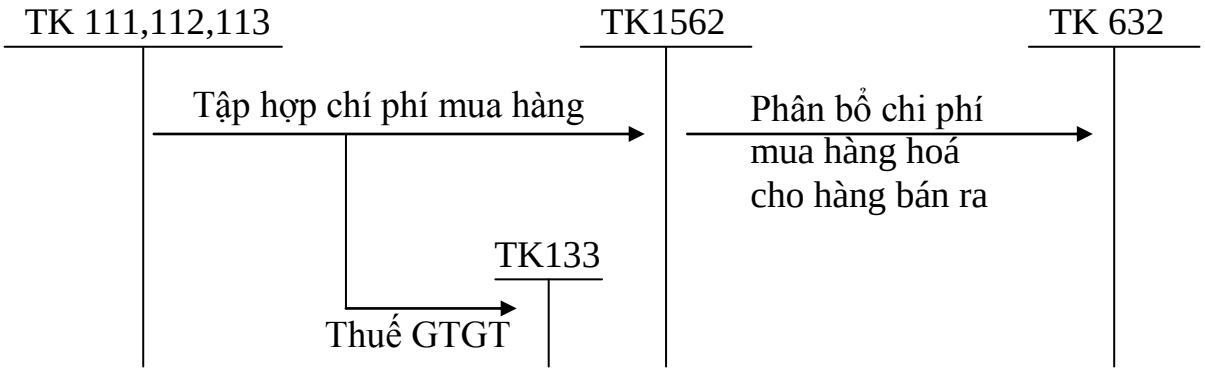

Sơ đồ 3. Hạch toán chi phí mua hàng (KKTX)

- Trường hợp doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho, thì khi mua hạch toán chi phí mua hàng theo giá mua hàng hóa lưu chuyển trong kỳ, và được khái quát bằng sơ đồ sau:

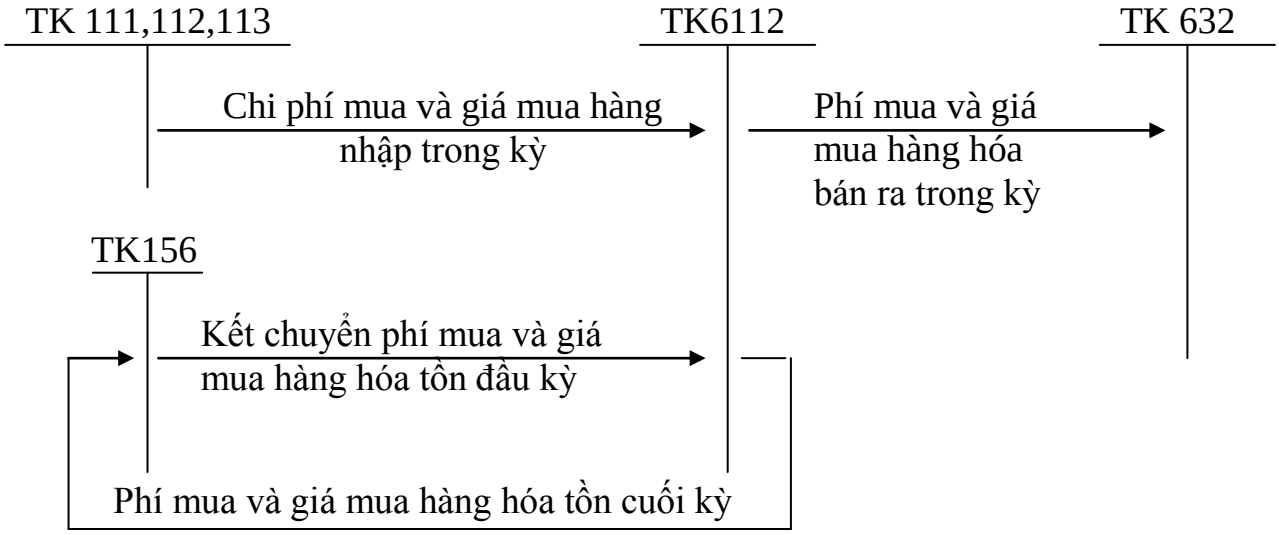

Sơ đồ 4. Hạch toán chi phí mua hàng (KKĐK)

1.2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

TK 632 – Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá thành công xưởng thực tế của thành phẩm xuất bán hay giá thành thực tế của lao vụ, dịch vụ cung cấp hoặc là giá mua thực tế của hàng hoá tiêu thụ. Trong doanh nghiệp thương mại, giá vốn hàng bán chính là giá mua thực tế của hàng hoá tiêu thu, bao gồm giá mua và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng hoá bán ra.

Giá vốn hàng bán là khoản chi phí quan trọng nhất, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí của các doanh nghiệp thương mại. Khoản chi phí này được bù đắp trực tiếp bằng doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng của doanh nghiệp.

Kế toán có thể sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên hoặc kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho và kế toán cũng có thể sử dụng giá hạch toán hoặc giá mua thực tế để hạch toán giá vốn hàng bán. Giá hạch toán là giá do doanh nghiệp quy định và ổn định trong nhiều kỳ kế toán, không có tác dụng giao dịch với khách hàng. Đối với những doanh nghiệp kế toán tổng hợp và chi tiết hàng hoá theo giá mua thực tế thì có thể sử dụng một trong các phương pháp tính giá hàng xuất kho như trên đã nêu.

TK 632 được áp dụng cho các doanh nghiệp sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên và các doanh nghiệp sử dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để xác định giá vốn của sản phẩm, hàng hoá tiêu thụ.

Kết cấu tài khoản:

+ Với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên:

Bên nợ: Trị giá vốn của hàng hóa đã cung cấp theo hoá đơn.

Bên có: Kết chuyển giá vốn hàng tiêu thụ trong kỳ vào TK 911-Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

+ *Phương pháp hạch toán:*

◆ Khi xuất kho thành phẩm, hàng hoá đi tiêu thụ kế toán ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 155 - Thành phẩm

Có TK 156 - Hàng hóa

◆ Khi sản phẩm, lao vụ sản xuất xong không qua nhập kho, đem tiêu thụ ngay hoặc giao sản phẩm nhận gia công chế biến xong cho khách, kế toán ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

◆ Đối với sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ gửi đi bán, khi được xác định là tiêu thụ, kế toán ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 157 - Hàng gửi bán (khối lượng được xác định đã tiêu thụ)

◆ Cuối mỗi kỳ sản xuất kinh doanh (tháng, quý, năm) kết chuyển giá vốn hàng bán (sản phẩm, hàng hoá, lao vụ, dịch vụ), kế toán ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán

Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán được thực hiện theo sơ đồ sau:

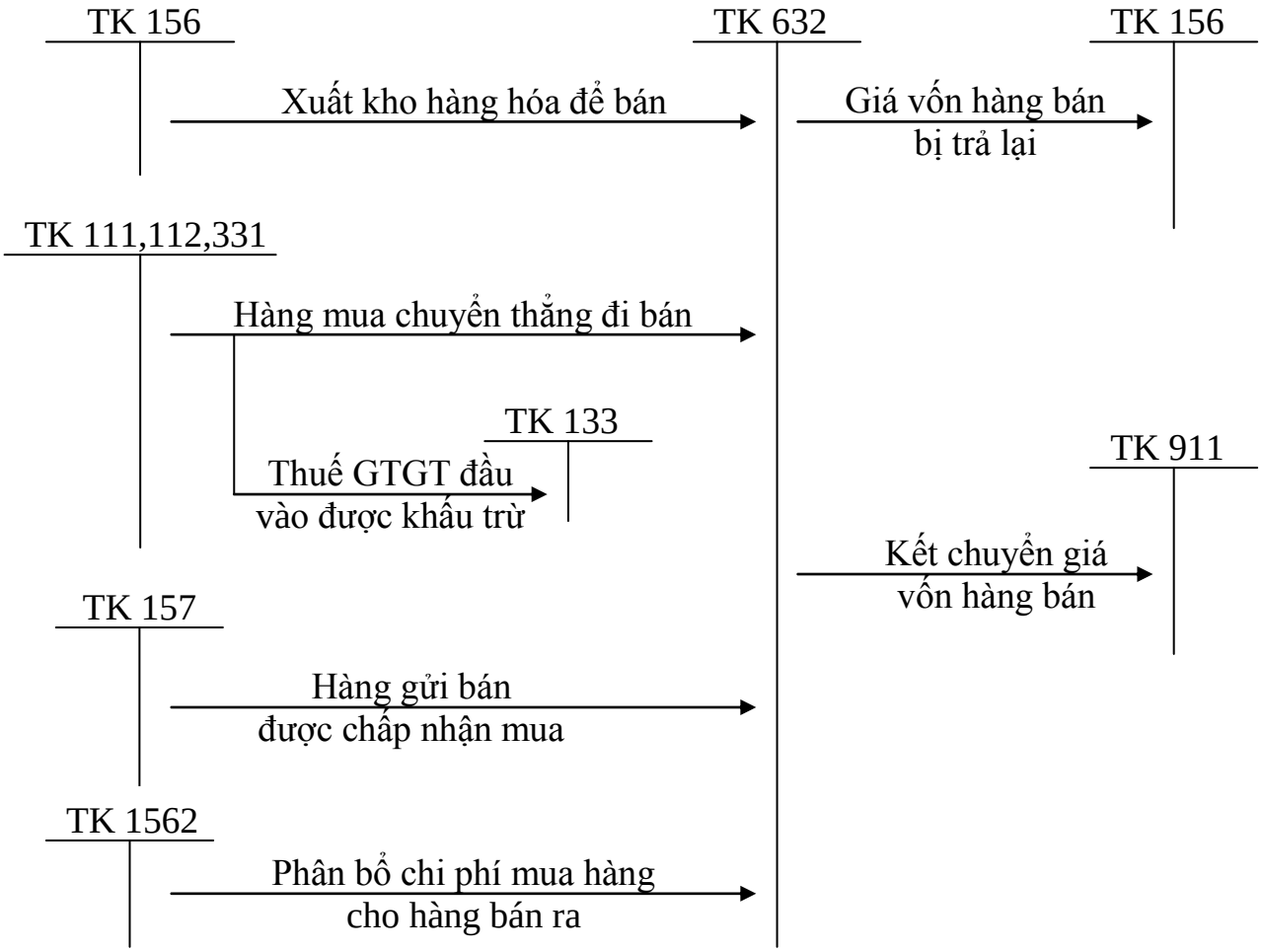

Sơ đồ 5. Hạch toán giá vốn hàng bán (KKTX)

+ Đối với doanh nghiệp áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ:

Bên nợ:- Trị giá vốn của hàng xuất bán trong kỳ.

Bên có: - Giá trị hàng hoá đã xuất bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.

- Kết chuyển trị giá vốn của hàng đã tiêu thụ trong kỳ vào TK 911-Xác định kết quả kinh doanh

TK 632 cuối kỳ không có số dư

+ Phương pháp hạch toán:

Theo phương pháp này, tuỳ theo lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp mà hình thành các phương pháp hạch toán riêng.

- Đối với sản xuất và dịch vụ .

+ Đầu kỳ tiến hành kết chuyển giá trị thành phẩm tồn kho:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 155 - Thành phẩm

Có TK 157 - Hàng gửi bán

+ Trong kỳ giá thành thực tế của thành phẩm nhập kho hoặc đem tiêu thụ ngay và giá thành lao vụ , dịch vụ đã hoàn thành, kế toán ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 631 - Giá thành sản xuất

+ Cuối kỳ, tiến hành kiểm kê và xác định giá thực tế của khối lượng thành phẩm tồn kho, kế toán ghi:

- Đối với doanh nghiệp sản xuất.

Nợ TK 157 - Hàng gửi bán

Nợ TK 155 - Thành phẩm

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán

- Đối với doanh nghiệp thương mại

Nợ TK 156, 157 - Hàng hóa, hàng gửi bán

Có TK 611 - Mua hàng

+ Sau khi xác định được trị giá thành phẩm tồn kho cuối kỳ, kế toán xác định trị giá thành phẩm đã tiêu thụ trong kỳ theo công thức:

Trị giá thành phẩm tiêu thụ trong kỳ	=	Trị giá thành phẩm tồn đầu kỳ	+	Trị giá thành phẩm nhập kho trong kỳ	-	Trị giá thành phẩm tồn kho cuối kỳ

Và ghi sổ:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán

◆ Đối với đơn vị kinh doanh thương nghiệp.

+ Cuối kỳ xác định và kết chuyển trị giá hàng hoá đã xuất bán, kế toán ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 611- Mua hàng

+ Trị giá hàng hoá đã xuất bán, nhưng chưa xác định là tiêu thụ, kế toán ghi:

Nợ TK 157 - Hàng gửi bán

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán

+ Cuối kỳ, kết chuyển trị giá hàng bán đã tiêu thụ, kế toán ghi:

Nợ TK 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Có TK 632 - Giá vốn hàng bán

Trình tự hạch toán giá vốn hàng bán được thực hiện theo sơ đồ sau:

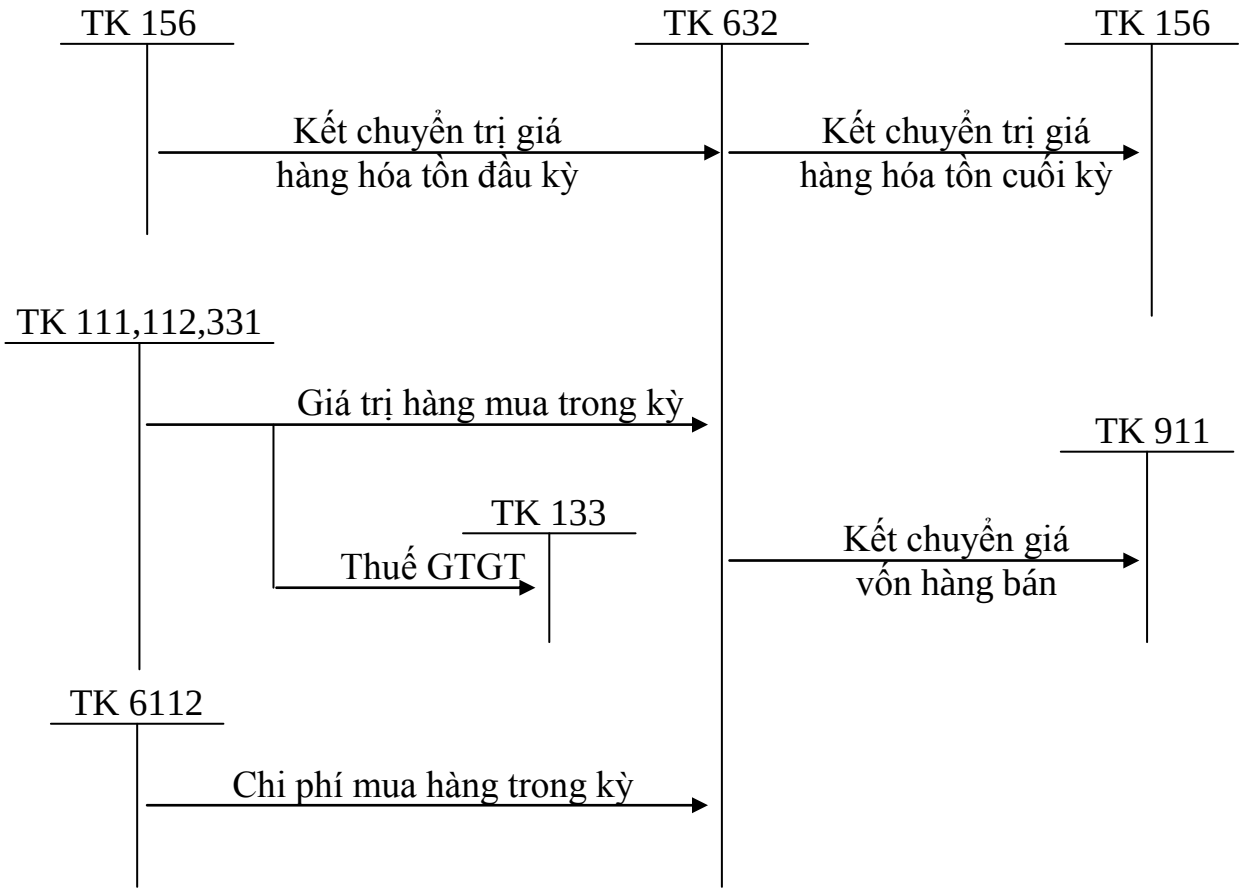

Sơ đồ 6. Hạch toán giá vốn hàng bán (KKĐK)

1.2.2.3. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các khoản chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hàng sản phẩm, vận chuyển sản phẩm, khấu hao TSCĐ dùng cho hoạt động bán hàng…

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những chi phí hành chính và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các loại bảo hiểm, chi phí vật liệu văn phòng, khấu hoa TSCĐ dùng cho quản lý, chi phí dịch vụ mua ngoài…

Nội dung kinh tế của các khoản chi phí bán hàng gồm có:

✓ Chi phí nhân viên: Là khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên vận chuyển…Bao gồm tiền lương, tiền ăn ca, tiền công và các khoản bảo hiểm

✓ Chi phí vật liệu, bao bì: Là chi phí chi dùng thực tế cho nhu cầu sửa chữa tài sản, xử lý hàng hóa dự trữ, bao gói hàng để tăng thêm giá trị thương mại cho hàng hóa.

✓ Chi phí dụng cụ, đồ dùng: Là các chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc…

✓ Chi phí khấu hao TSCĐ: Là chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận bảo quản, bán hàng, như: nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện bốc dỡ, vận chuyển…

✓ Chi phí dự phòng: Là khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa đã được bán trong kỳ.

✓ Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ, tiền thuê kho, tiền vận chuyển…

✓ Chi phí bằng tiền khác: Các khoản chi phát sinh trong khâu bán hàng không thuộc nội dung trên, như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm…

Nội dung kinh tế của các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp gồm có:

✓ Chi phí nhân viên quản lý: Là khoản phải trả cho Ban giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng ban…Bao gồm tiền lương, tiền ăn ca, tiền công và các khoản bảo hiểm

✓ Chi phí vật liệu quản lý: Là các vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như giấy, bút, mực…vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa TSCĐ…

✓ Chi phí khấu hao tài sản cố định: Là chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: Nhà cửa làm việc của các phòng ban, máy móc thiết bị dùng cho văn phòng

✓ Chi phí đồ dùng văn phòng: Là các chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý

✓ Thuế và lệ phí: Là các chi phí về thuế, phí và lệ phí như: thuế môn bài, thuế nhà đất và các khoản phí, lệ phí khác

✓ Chi phí dịch vụ mua ngoài: Là các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho văn phòng doanh nghiệp như chi phí thuê ngoài sửa chữa TSCĐ, tiền thuê kho, tiền vận chuyển.

✓ Chi phí bằng tiền khác: Là các khoản chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã kể trên, như: Chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe…

***Kết cấu tài khoản*:**

Bên nợ: - Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.

Bên có: - Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ.

- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào bên Nợ TK 911- xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ

Trình tự hạch toán tổng hợp chi phí quản lý doanh nghiệp được thực hiện theo sơ đồ sau:

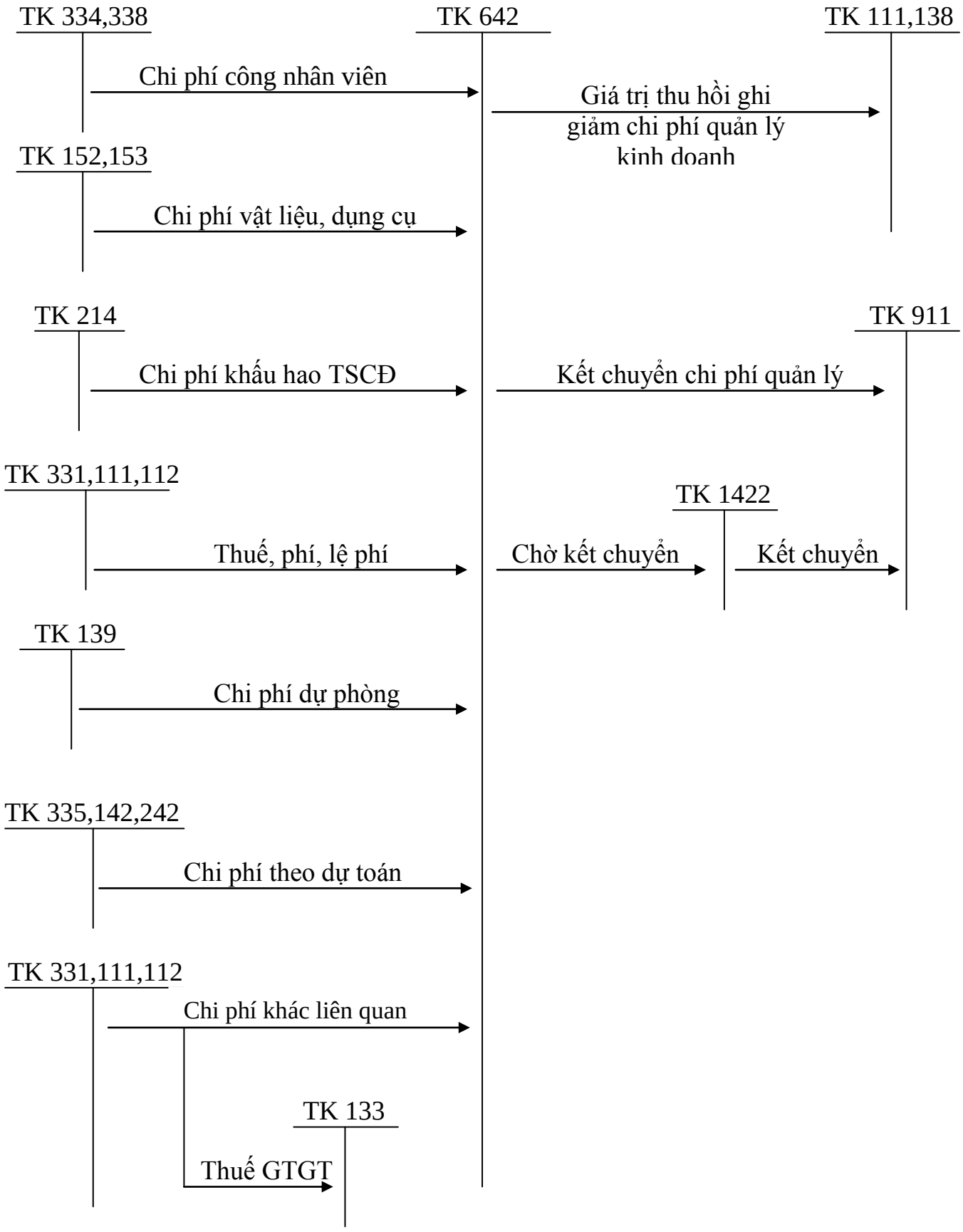

Sơ đồ 7. Hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.3. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

1.2.3.1. Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu từ các hoạt động tài chính ngoài của doanh nghiệp, làm tăng nguồn lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động kinh doanh
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản(giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư
- Doanh thu hoạt động tài chính khác.

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ: - Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911-Xác định kết quả kinh doanh

Bên có: - Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia

- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết
- Chiết khấu thanh toán được hưởng
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ

TK 515 cuối kỳ không có số dư.

Trình tự hạch toán doanh thu hoạt động tài chính được thực hiện theo sơ đồ sau:

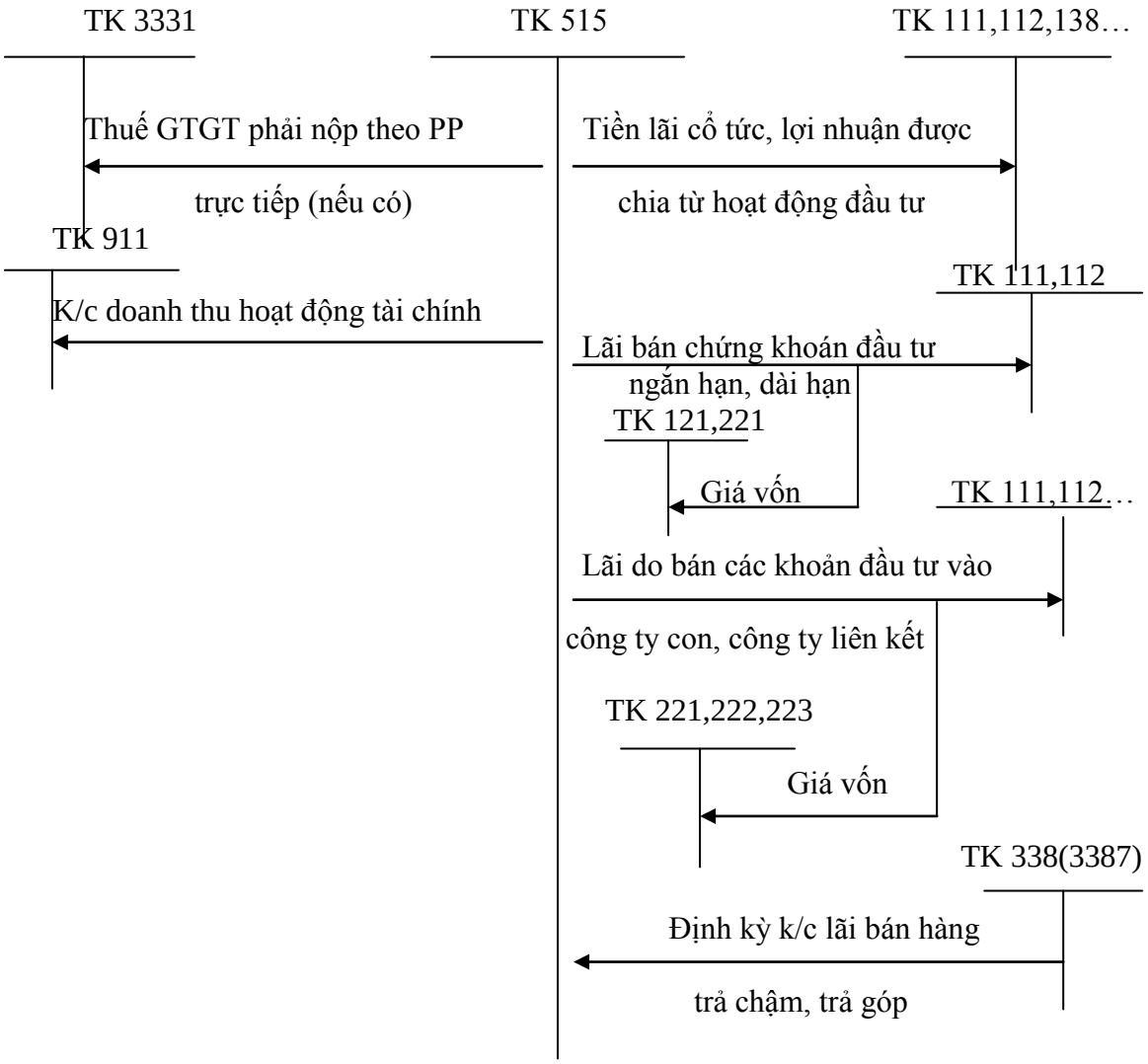

Sơ đồ 8. Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.2.3.2. Kế toán chi phí tài chính

TK 635 – chi phí tài chính

Chi phí tài chính là các khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí vốn góp liên doanh…

Chi phí tài chính bao gồm:

***Kết cấu tài khoản*:**

Bên nợ :

- Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính
- Lỗ bán ngoại tệ
- Chiết khấu thanh toán cho người mua
- Các khoản lỗ do thanh lý nhượng bán các khoản đầu tư
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh(lỗ tỷ giá đã thực hiện)
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục có tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB
- Các khoản chi phí tài chính khác

Bên có :

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn
- Cuối kỳ kế toán năm, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh

TK 635 cuối kỳ không có số dư cuối kỳ.

Trình tự hạch toán chi phí tài chính được thực hiện theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 9. Hạch toán chi phí hoạt động tài chính

1.2.4. Kế toán các khoản thu nhập và chi phí từ hoạt động khác.

1.2.4.1. Kế toán thu nhập khác.

TK 711 – Thu nhập khác

Phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

Thu nhập khác bao gồm:

- Thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Thu tiền được phạt do KH vi phạm hợp đồng
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ
- Thuế được NSNN hoàn lại
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ
- Thu nhập quà biếu tặng bằng tiền,hiện vật
- Các khoản thu nhập khác.

***Kết cấu tài khoản*:**

Bên nợ : -Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911-Xác định kết quả kinh doanh

Bên có : - Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ

TK 711 cuối kỳ không có số dư.

Trình tự hạch toán thu nhập khác thực hiện theo sơ đồ sau:

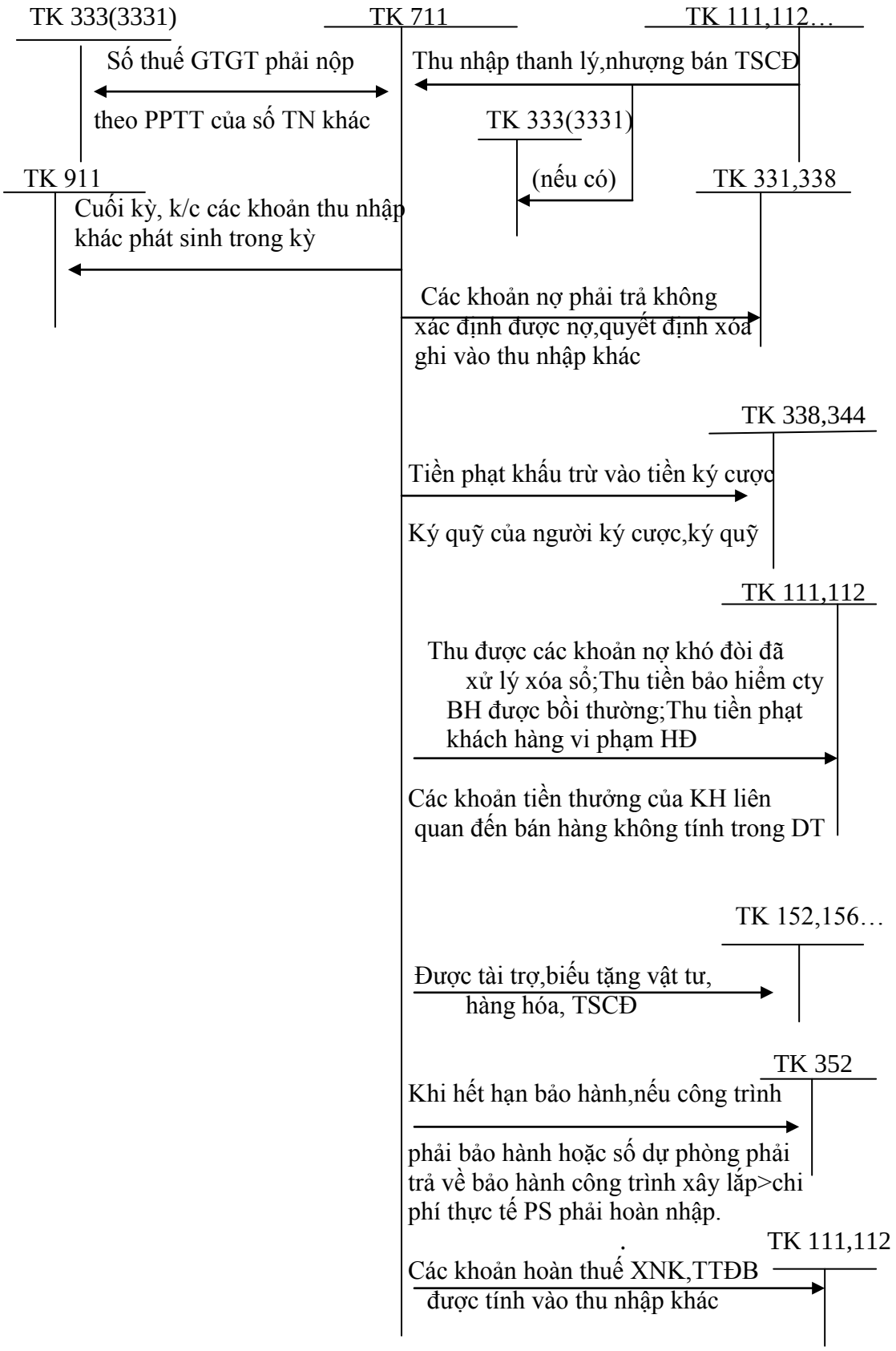

Sơ đồ 10. Hạch toán thu nhập khác

1.2.4.2. Kế toán chi phí khác.

TK 811 – Chi phí khác

Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của các doanh nghiệp

Chi phí khác bao gồm:

- Chi phí thanh lý và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán;
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa,TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết,đầu tư dài hạn khác;
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy thu thuế;
- Các khoản chi phí khác.

***Kết cấu tài khoản*:**

Bên nợ : - Chi phí khác phát sinh trong kỳ.

Bên có : - Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

TK 811 cuối kỳ không có số dư.

Trình tự hạch toán chi phí khác thực hiện theo sơ đồ sau:

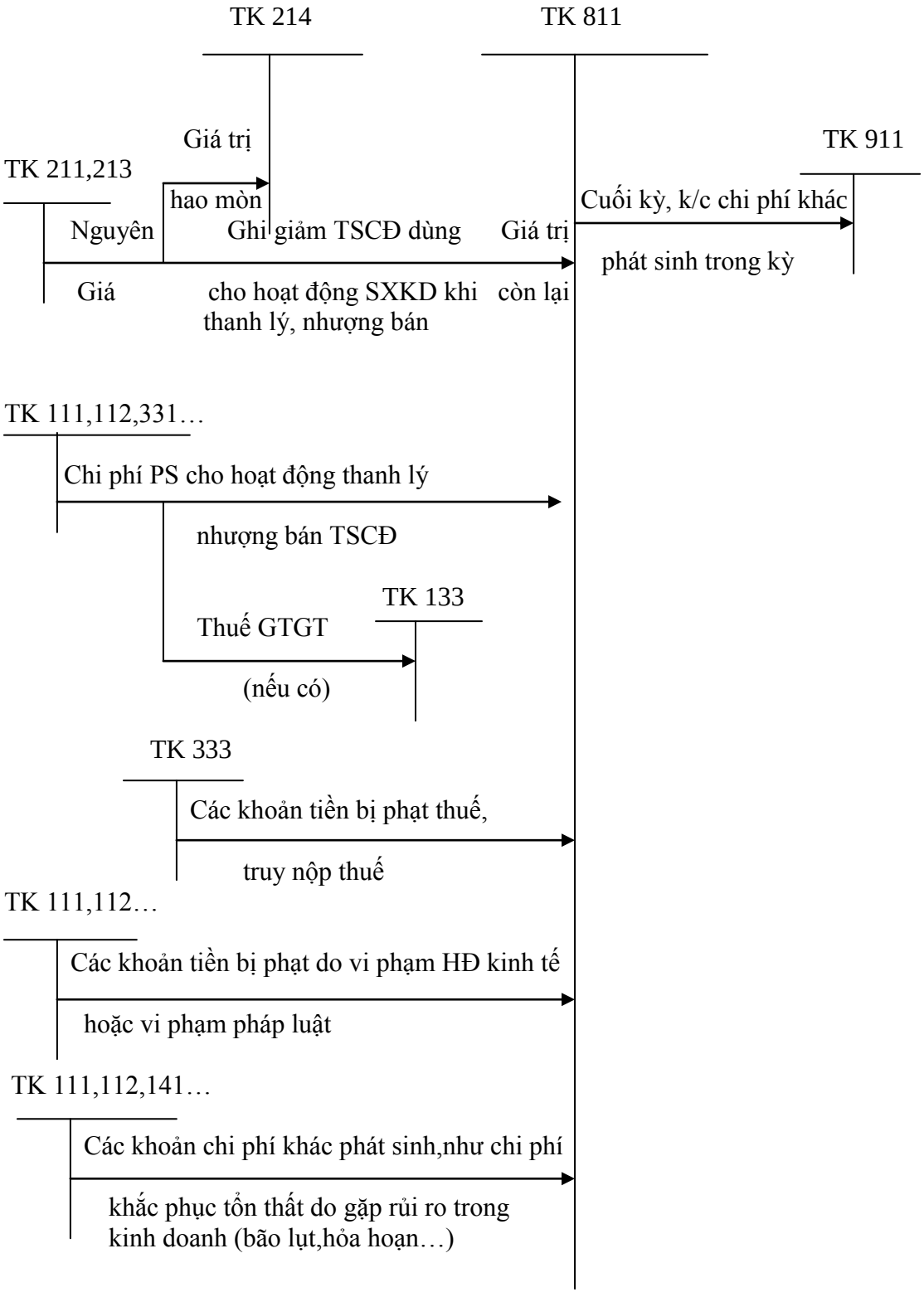

Sơ đồ 11. Hạch toán chi phí khác

1.2.5. Kế toán xác định kết quả trong các doanh nghiệp thương mại

1.2.5.1. Kế toán chi phí thuế TNDN

TK 821 – Chi phí thuế TNDN

Phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của doanh nghiệp trong năm tài chính

+ Tài khoản 8211- Chi phí thuế TNDN hiện hành

+ Tài khoản 8212- Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm
- Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót trọng yếu
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế TN hoãn lại phải trả

***Kết cấu tài khoản*:**

Bên nợ : - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại.

Bên có : - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được điều chỉnh giảm do số đã ghi nhận trong năm lớn hơn số phải nộp theo số quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước

- Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp vào bên nợ TK 911- Xác định kết quả kinh doanh

TK 811 cuối kỳ không có số dư.

Trình tự hạch toán chi phí thuế TNDN hiện hành theo sơ đồ sau:

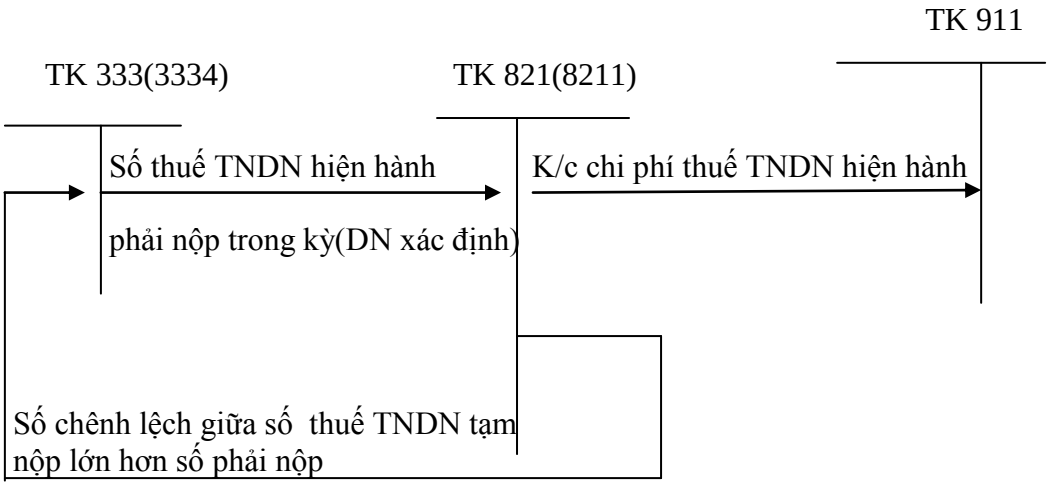

Sơ đồ 12. Hạch toán thuế TNDN hiện hành

Sơ đồ hạch toán chi phí thuế TNDN hoãn lại

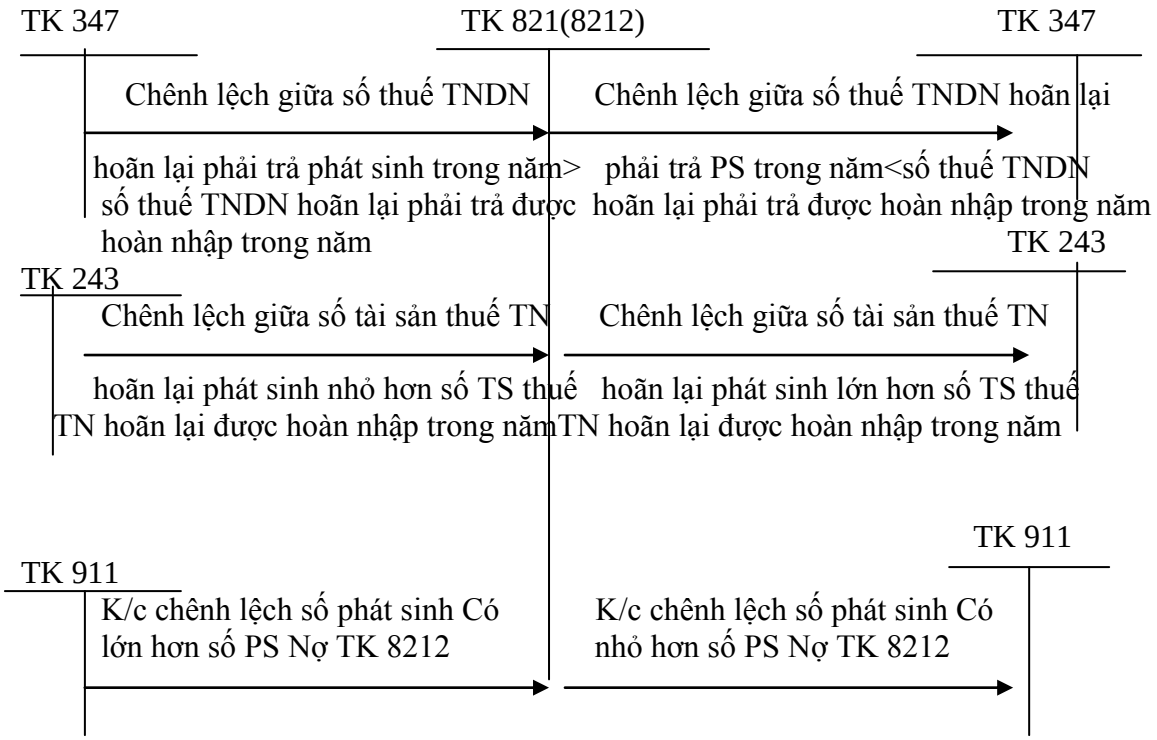

Sơ đồ 13. Hạch toán thuế TNDN hoãn lại

1.2.5.2. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất-kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán và chi phí quản lý kinh doanh.
- Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa doanh thu của hoạt động tài chính và chi phí tài chính.
- Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Kết cấu tài khoản:

Bên nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư đã bán và dịch vụ đã cung cấp
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí khác
- Chi phí quản lý kinh doanh
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- Kết chuyển lãi

Bên có:

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác
- Kết chuyển lỗ

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh được thực hiện theo sơ đồ sau:

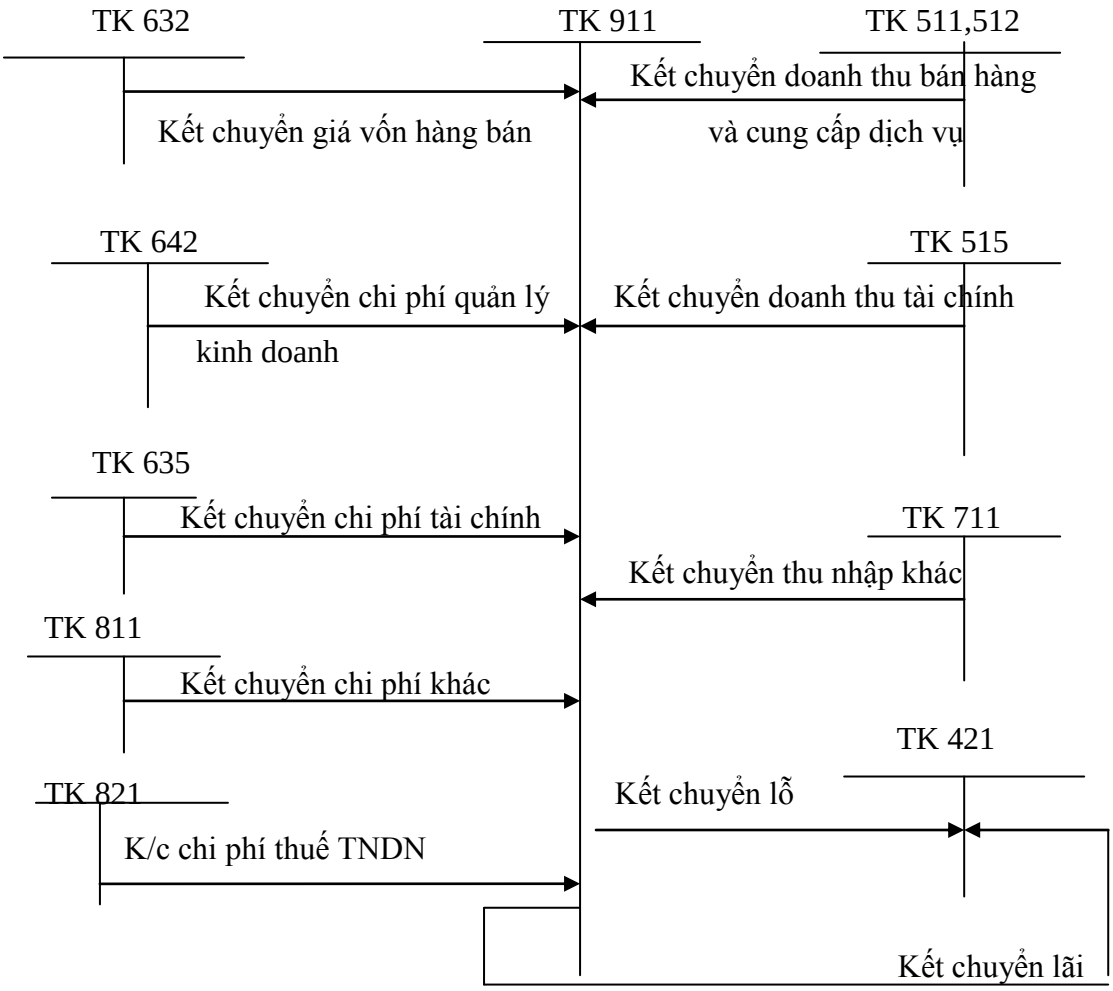

Sơ đồ 14. Hạch toán xác định kết quả kinh doanh

1.3. Hình thức ghi sổ kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả trong các doanh nghiệp thương mại

Theo QĐ 48/2006/BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC để ghi chép sổ sách kế toán nói chung cũng như ghi chép sổ kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả trong các doanh nghiệp thương mại nói riêng có thể áp dụng một trong 4 hình thức ghi sổ là: Hình thức Nhật ký chung, Hình thức Nhật ký- sổ cái, Hình thức Chứng từ ghi sổ, Hình thức Kế toán máy.

1.3.1. Hình thức Nhật ký chung.

Đây là hình thức ghi sổ tách rời việc ghi sổ theo thời gian và theo hệ thống trên hai loại sổ khác nhau, đồng thời tách rời hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết, tiến hành lập bảng cân đối tài khoản để kiểm tra số liệu trước khi lập báo cáo tài chính.

Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký chung được thực hiện theo sơ đồ sau:

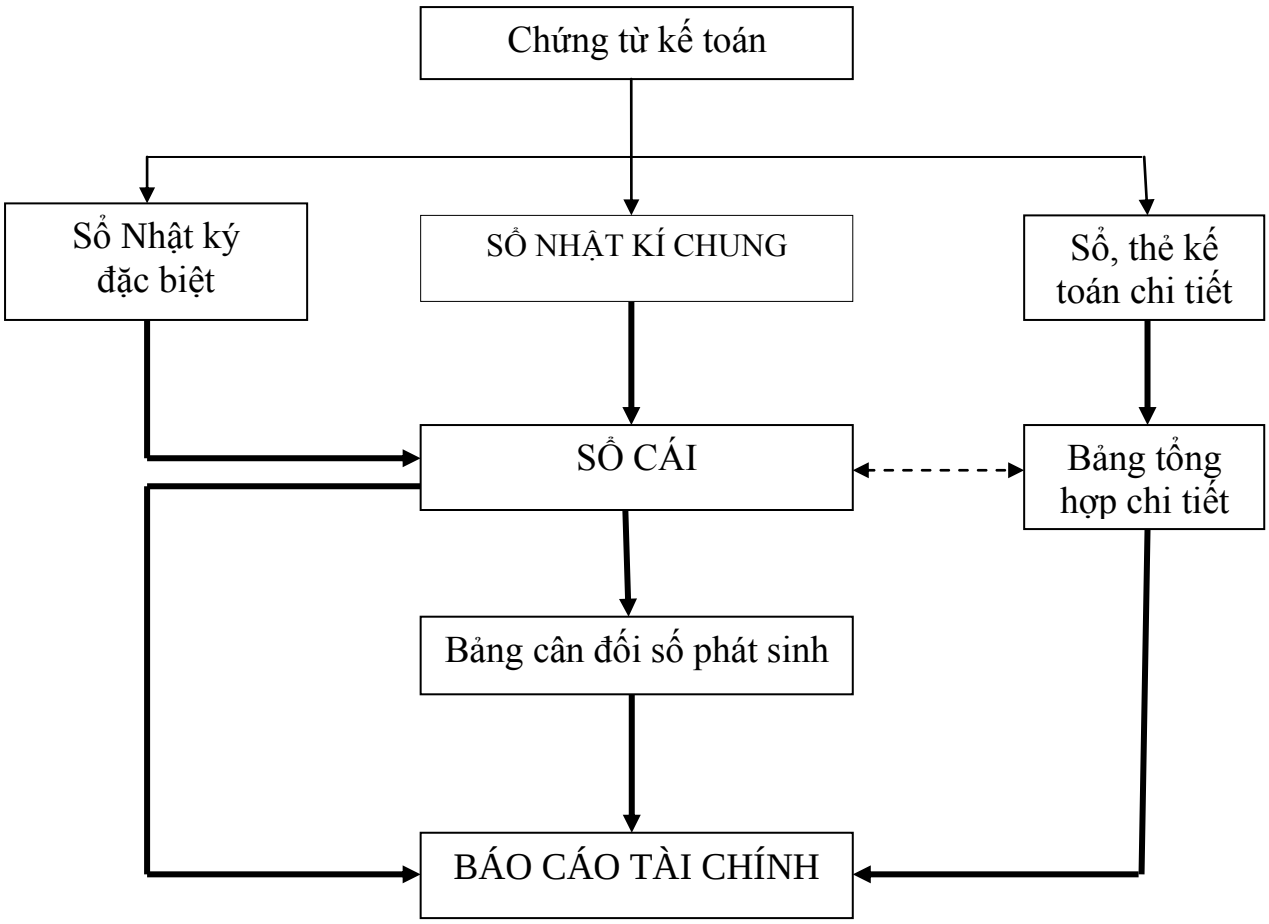

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi định kỳ (cuối tháng, quý năm)

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 15. Hình thức ghi sổ Nhật kí chung

1.3.2. Hình thức Nhật ký – sổ cái

Ghi sổ theo hình thức Nhật ký sổ cái kết hợp việc ghi sổ theo thời gian và hệ thống trên một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là Nhật ký – sổ cái, đồng thời tách rời hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên hai loại sổ khác nhau, không cần lập bảng cân đối số phát sinh để kiểm tra số liệu trước khi lập báo cáo kế toán vì việc kiểm tra số liệu có thể dựa vào dòng cộng cuối kỳ của Nhật ký - sổ cái. Theo đó:

Tổng số tiền (cột số phát sinh) = Tổng số phát sinh nợ các tài khoản = Tổng số phát sinh có các tài khoản

Trình tự ghi sổ theo hình thức Nhật ký – sổ cái được thể hiện bằng sơ đồ sau:

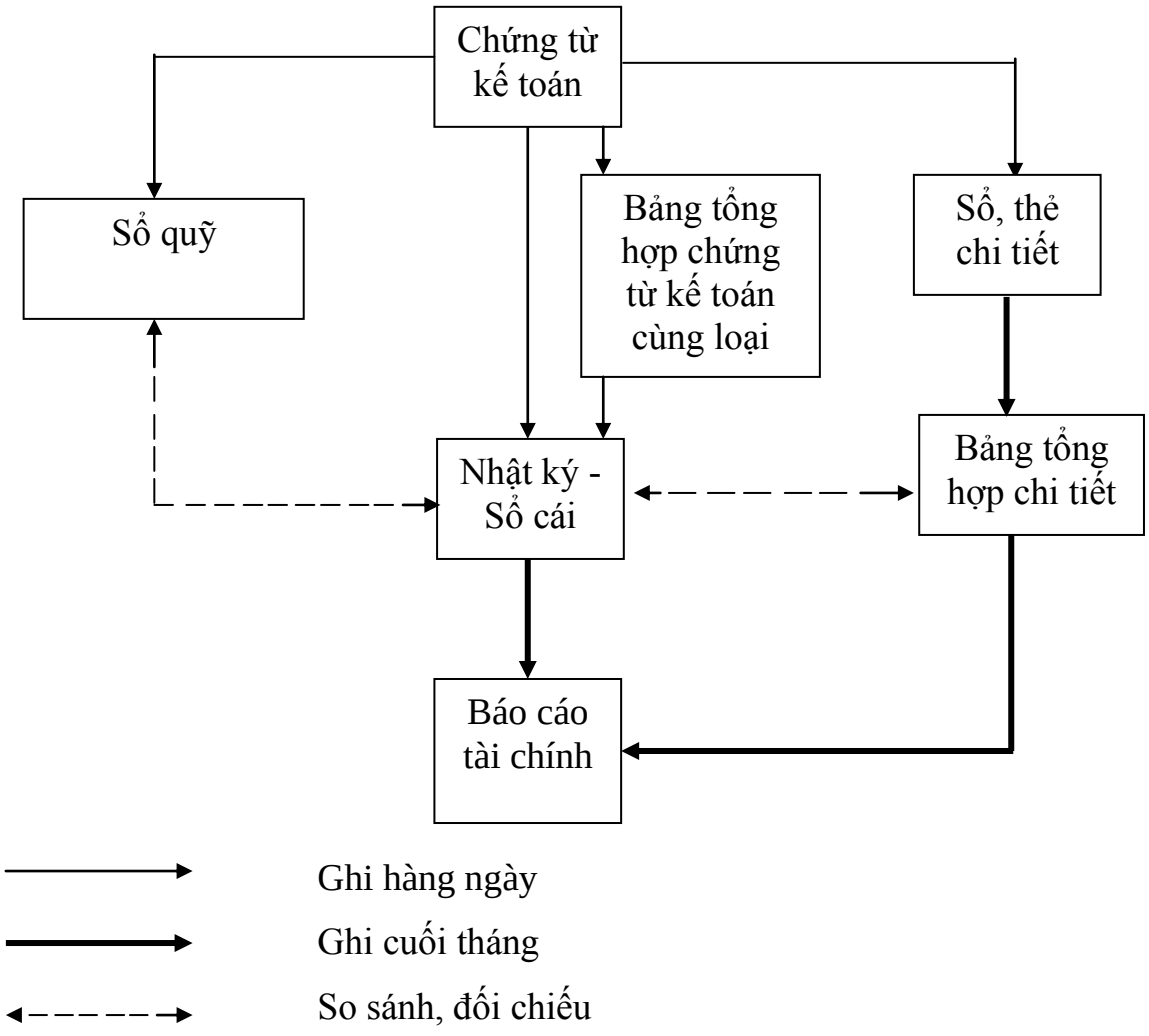

Sơ đồ 16. Hình thức ghi sổ Nhật ký – sổ cái

1.3.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ

Hình thức Chứng từ ghi sổ có đặc điểm tương tự như hình thức Nhật ký chung. Theo hình thức này, tách rời việc ghi sổ theo thời gian và theo hệ thống trên hai loại sổ khác nhau, đồng thời tách rời hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết, tiến hành lập bảng cân đối tài khoản để kiểm tra số liệu trước khi lập báo cáo tài chính.

Trình tự ghi sổ theo hình thức Chứng từ ghi sổ được thực hiện theo sơ đồ sau:

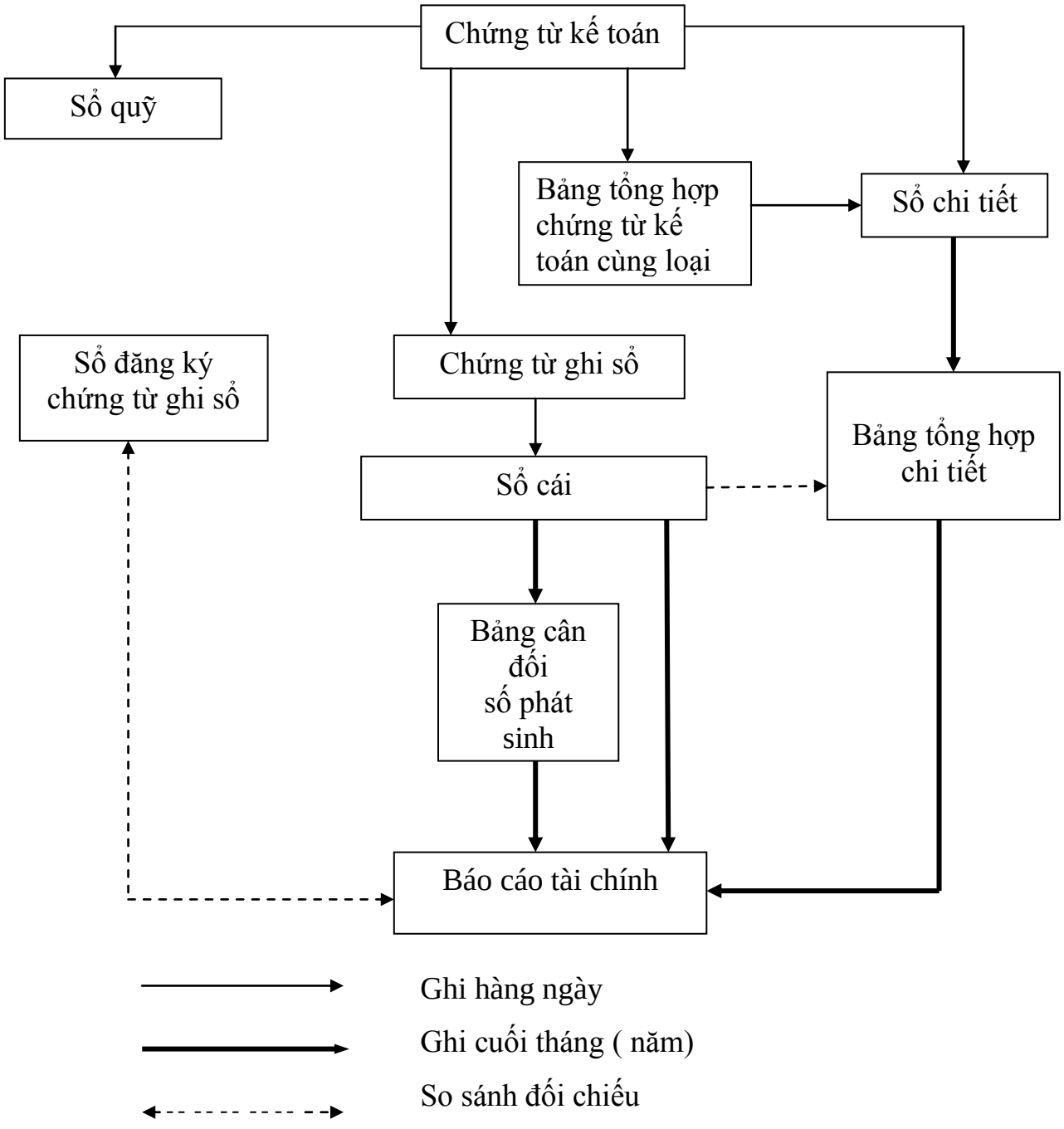

Sơ đồ 17. Hình thức ghi sổ Chứng từ ghi sổ

1.3.4. Hình thức kế toán trên máy tính

Hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy tính

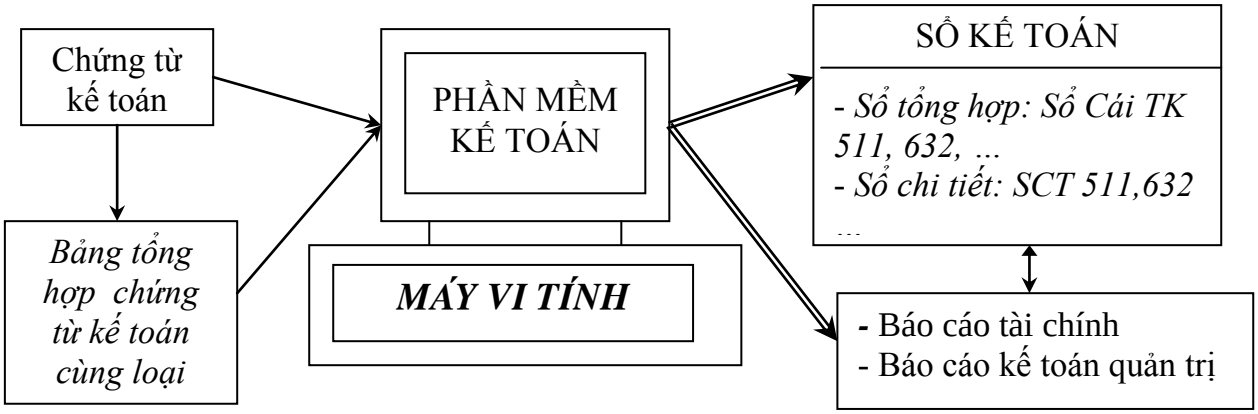

Ghi chú: ⟶ Nhập số liệu hàng ngày

⟹ In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm

⟷ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 19. Hình thức kế toán trên máy vi tính

Chương 2

THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ TIÊU THỤ TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH QUANG

2.1. Tổng quan về công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang được Sở kế hoạch đầu tư Hải Phòng cấp giấy phép kinh doanh

Giấy đăng kí kinh doanh số 0204001421, đăng kí lần đầu ngày 14/08/2008, đăng kí thay đổi lần thứ nhất ngày 13/02/2009 tại Phòng đăng kí kinh doanh của Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng

-Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang**

-Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: **Minh Quang Investment Construction And Trading Service Limited Company**

- Tên Công ty viết tắt: **QICT**

-Trụ sở chính: **Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh, phường Cát Dài, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng**

- Mã số thuế: **0200829891**

- Tài khoản Ngân hàng: 48316239 - tại Ngân hàng Á Châu Hải Phòng

- Vốn điều lệ: 1.230.000.000 đồng

- Điện thoại: 0313733420

- Fax: 0313733420

Với mục tiêu không ngừng phát triển kinh doanh, tối đa hóa lợi nhuận, tạo việc làm ổn định cho cán bộ công nhân viên, đảm bảo việc nộp thuế với Nhà nước theo quy định, Ban giám đốc Công ty luôn đưa ra những phương hướng kinh doanh để đạt hiệu quả cao nhất giúp Công ty phát triển bền vững, tạo lòng tin, uy tín trước bạn hàng.

2.1.2 Đặc điểm hoạt động của công ty .

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH một thành viên

Lĩnh vực kinh doanh: Đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất trang phục.
- Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan.
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ tre, gỗ, nứa(trừ giường, tủ, bàn ghế), sản xuất sản phẩm từ rơm rạ, vật liệu tết bện.
- Sản xuất sơn, vecni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và matit.
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.
- Xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình kĩ thuật dân dụng.
- Bán buôn đồ uống có cồn.
- Bán buôn đồ dùng gia đình(trừ dược phẩm).
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng nông nghiệp.
- Bán buôn sắt, thép.
- Bán buôn xi măng.
- Bán buôn gạch, ngói, đá, cát, sỏi.
- Bán buôn sơn, vecni.
- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh.
- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại.
- Bán lẻ sơn, màu, vecni trong các cửa hàng chuyên kinh doanh.
- Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên kinh doanh.
- Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên kinh doanh.
- Vận tải hành khách bằng taxi.
- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh.
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.

- Kho bãi và các hoạt động hỗ trợ cho vận tải.

- Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.

Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại nên sản phẩm của công ty chủ yếu là kinh doanh các loại sơn và bột bả theo các đơn hàng.

2.1.3 Nguyên tắc hoạt động của công ty

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang được thành lập và hoạt động theo luật doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh tại Sở kế hoạch và đầu tư Hải Phòng. Công ty có tư cách pháp nhân đầy đủ, có con dấu và được mở tài khoản tại ngân hàng. Mọi hoạt động của Công ty tuân thủ theo các quy định của pháp luật. Công ty được phép kinh doanh và chủ động trong mọi hoạt động kinh doanh, được quyền sở hữu về tư liệu sản xuất, quyền thừa kế vốn, tài sản vừ các quyền lợi hợp pháp khác. Các quyền lợi hợp pháp của Công ty được pháp luật bảo vệ.

2.1.4. Đặc điểm quản lý tiêu thụ hàng hóa.

Để tồn tại và đứng vững được trong nền kinh tế thị trường hiện nay, công ty đang từng bước cố gắng, nỗ lực đưa ra những biện pháp cụ thể để đẩy mạnh hoạt động tiêu thụ sản phẩm với phương châm " Uy tín-chất lượng-hiệu quả". Biện pháp tổ chức tiêu thụ và quản lý khâu tiêu thụ là vấn đề cần quan tâm hàng đầu với mục tiêu thuận lợi, hiệu quả nhất đối với khách hàng.

Những năm gần đây Công ty áp dụng một số chính sách khuyến khích việc tiêu thụ như:

- Quy cách, chất lượng của hàng hóa nhập kho được kiểm tra chất lượng một cách nghiêm ngặt.

- Giá bán là nhân tố quan trọng được xác định riêng cho từng hình thức bán. Theo đó giá bán trong Công ty được xác định trên cơ sở giá mua hàng hóa cộng với các chi phí phù hợp với sự biến động của thị trường đảm bảo giá bán bù đắp được chi phí và có lãi.

Về vận chuyển: Khách hàng có thể tự vận chuyển hoặc nếu yêu cầu công ty sẽ cung cấp phương tiện vận chuyển, chi phí vận chuyển sẽ được tính vào chi phí quản lý kinh doanh

2.1.5 Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty.

Cơ cấu tổ chức bộ máy của Công ty được bố trí theo kiểu trực tuyến chức năng. Giám đốc điều hành trực tiếp hoạt động của Công ty tới các phòng ban, ngược lại các phòng ban cũng tham mưu cho giám đốc những ý kiến, đề xuất để xây dựng phát triển Công ty.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC

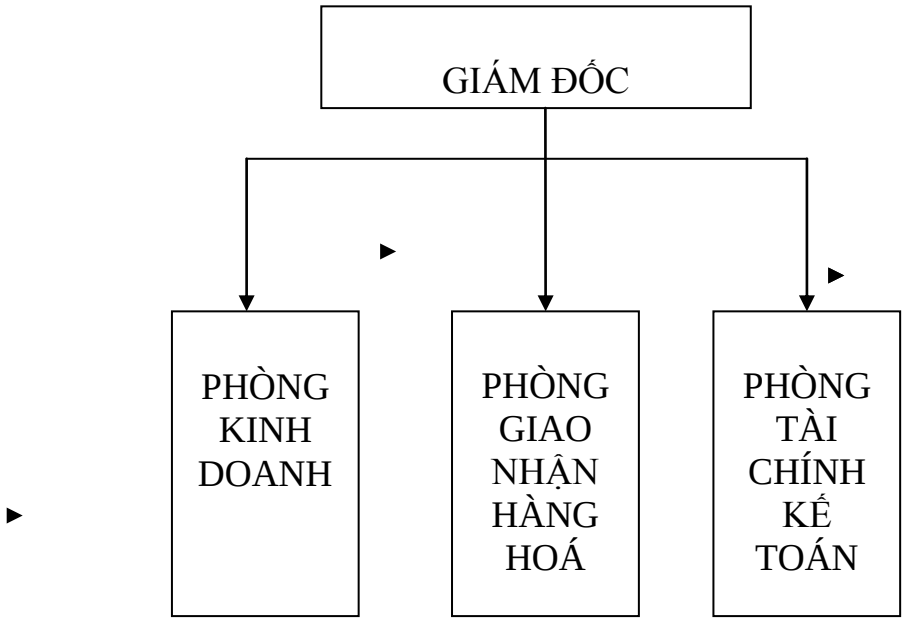

2.1.6 Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban

- **Giám đốc:**

Giám đốc là người đại diện pháp lý của Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện về quyền và nghĩa vụ của mình. Giám đốc có quyền cao nhất trong đó có:

+ Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày.

+ Bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm các chức danh quản lý từ trưởng phó phòng trở xuống

+ Quyết định các khoản chi phí hay đầu tư

+ Tuyển dụng lao động

- **Phòng kinh doanh:**

+ Có nhiệm vụ đề ra kế hoạch kinh doanh, kế hoạch bán hàng, tìm kiếm và lựa chọn nhà sản xuất có uy tín có khả năng cung cấp các sản phẩm mà công ty cần. Đồng thời Phòng kinh doanh cũng có nhiệm vụ đề ra chính sách đẩy mạnh công tác tiêu thụ hàng hóa

- **Phòng giao nhận hàng hóa:**

+ Có nhiệm vụ làm thủ tục xuất, nhập hàng hóa, thuê phương tiện vận tải để vận chuyển kịp thời cho khách hàng

+ Cung cấp đầy đủ, nhanh chóng, đúng số lượng cũng như chủng loại mà khách hàng cần. Đồng thời ghi chép đầy đủ hàng hóa nhập về để theo dõi

- **Phòng tài chính kế toán:**

+ Có chức năng quản lý vốn và các khoản thu, chi tiền mặt, tiền gửi Ngân hàng, các khoản nợ phải trả, các khoản thu của khách hàng....

+ Phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách trung thực và đầy đủ nhất. Cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình tài chính, chịu trách nhiệm về tính xác thực của các báo cáo

+ Phân tích hoạt động kinh tế nhằm đánh giá đúng đắn tình hình kết quả hoạt động kinh doanh

+ Tổ chức, quản lý, lưu trữ, giữ gìn các bí mật, tài liệu kế toán

2.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang

2.2.1. Cơ cấu tổ chức của công ty:

Hạch toán kế toán giữ vai trò quan trọng trong việc điều hành và quản lý kinh doanh, là công cụ hữu hiệu trong việc kiểm tra, giám sát các hoạt động kinh tế tài chính trong Công ty.

Để công tác kế toán có tác dụng tích cực đối với yêu cầu quản lý thì công việc quan trọng là phải tổ chức bộ máy kế toán thế nào cho phù hợp với đặc điểm tổ chức, quy mô hoạt động kinh doanh, với tình hình phân cấp quản lý tài chính cũng như khả năng, trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán hiện có của Công ty.

SƠ ĐỒ BỘ MÁY KẾ TOÁN

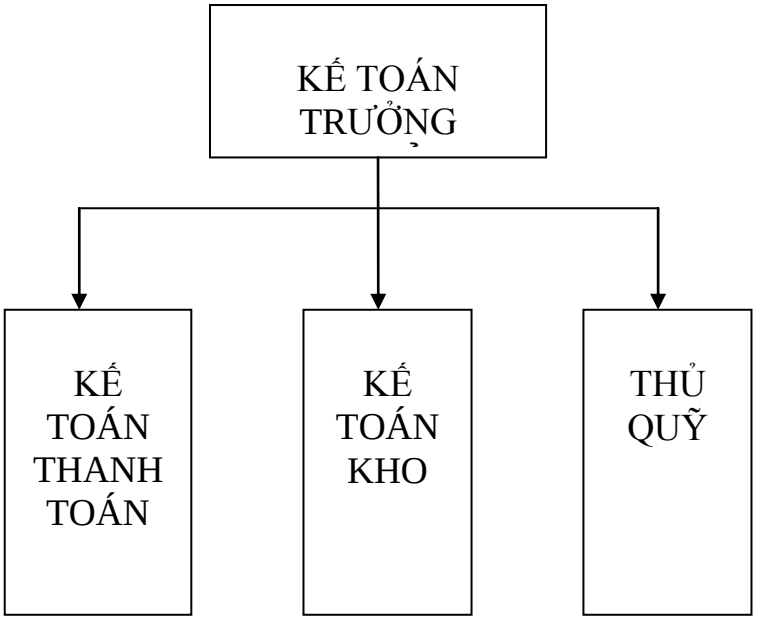

Cụ thể:

- **Kế toán trưởng**: Chịu trách nhiệm trực tiếp trước GĐ công ty về công việc thuộc nhiệm vụ của phòng Tài chính kế toán, có quyền phân công chỉ đạo trực tiếp tất cả nhân viên kế toán tại công ty làm bất cứ ở bộ phận nào. Lập báo cáo tài chính, phân tích hoạt động kinh doanh, chỉ đạo việc ghi chép sổ sách cho kế toán tổng hợp, kế toán viên, kế toán công nợ, thủ quỹ.

- **Kế toán thanh toán** : Theo dõi toàn bộ công tác thanh toán bằng chuyển khoản, lập và trình với Ngân hàng các bảo lãnh thực hiện hợp đồng, các hồ sơ vay vốn, thường xuyên cập nhật số dư tiền gửi, tiền vay, hạn mức vay, hàng tháng tập hợp chứng từ tiền gửi Ngân hàng, tính lãi vay. Đồng thời, hàng ngày tiếp nhận các chứng từ thanh toán thu chi tiền mặt, kiểm tra tính hợp lệ hợp pháp của chứng từ lập phiếu thu sau khi có ý kiến duyệt chi của phụ trách phòng kế toán và Giám đốc.

- **Kế toán kho**: Theo dõi, quản lý, đông thời mở sổ ghi chép các hoạt động nhập, xuất, tồn của hàng hóa

- **Thủ quỹ:** Chịu trách nhiệm về các khoản thu chi tiền mặt, phải có chứng từ hợp lệ chứng minh, chứng từ phải có chữ ký của Thủ trưởng đơn vị và Kế toán trưởng.

2.2.2. Tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp

❖ **Chế độ kế toán áp dụng**

Theo quyết định số 48/2006 QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.

❖ **Hình thức kế toán**

Căn cứ vào yêu cầu quản lý, đặc điểm kinh doanh Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung. Bao gồm các sổ:

+ Sổ Nhật ký chung

+ Sổ Cái các tài khoản

+ Sổ chi tiết tài khoản

+ Sổ quỹ

Theo quyết định 48/2006 QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính thì các thông tin kinh tế, tài chính của Công ty được thế hiện trong các báo cáo:

+ Bảng cân đối kế toán: Mẫu số B 01-DN

+ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: Mẫu số B 02-DN

+ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ: Mẫu số B 03-DN

+ Bản thuyết minh báo cáo tài chính: Mẫu số B 09-DN

Báo cáo tài chính gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm phụ biểu:

+ Bảng cân đối tài khoản: Mẫu số F 01-DN

Chứng từ, tài khoản và hệ thống báo cáo được áp dụng theo đúng chế độ của Nhà nước

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01kết thúc ngày 31/12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng là Đồng Việt Nam.

Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp tính giá hàng xuất kho: theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp tính thuế GTGT: theo phương pháp khấu trừ.

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc, kế toán viên sẽ kiểm tra chứng từ sau đó phân loại theo đối tượng, nghiệp vụ phát sinh rồi ghi vào sổ theo dõi hàng

ngày và các sổ sách có liên quan. Tập hợp chứng từ vào sổ hàng ngày sau đó lập các sổ chi tiết, cuối kì lập sổ tổng hợp rồi lập các báo cáo tài chính. Kế toán viên luôn luôn kiểm tra tính chính xác của số liệu để thực hiện đúng các bút toán phân bổ và kết chuyển cuối kỳ.

TRÌNH TỰ VÀO SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG

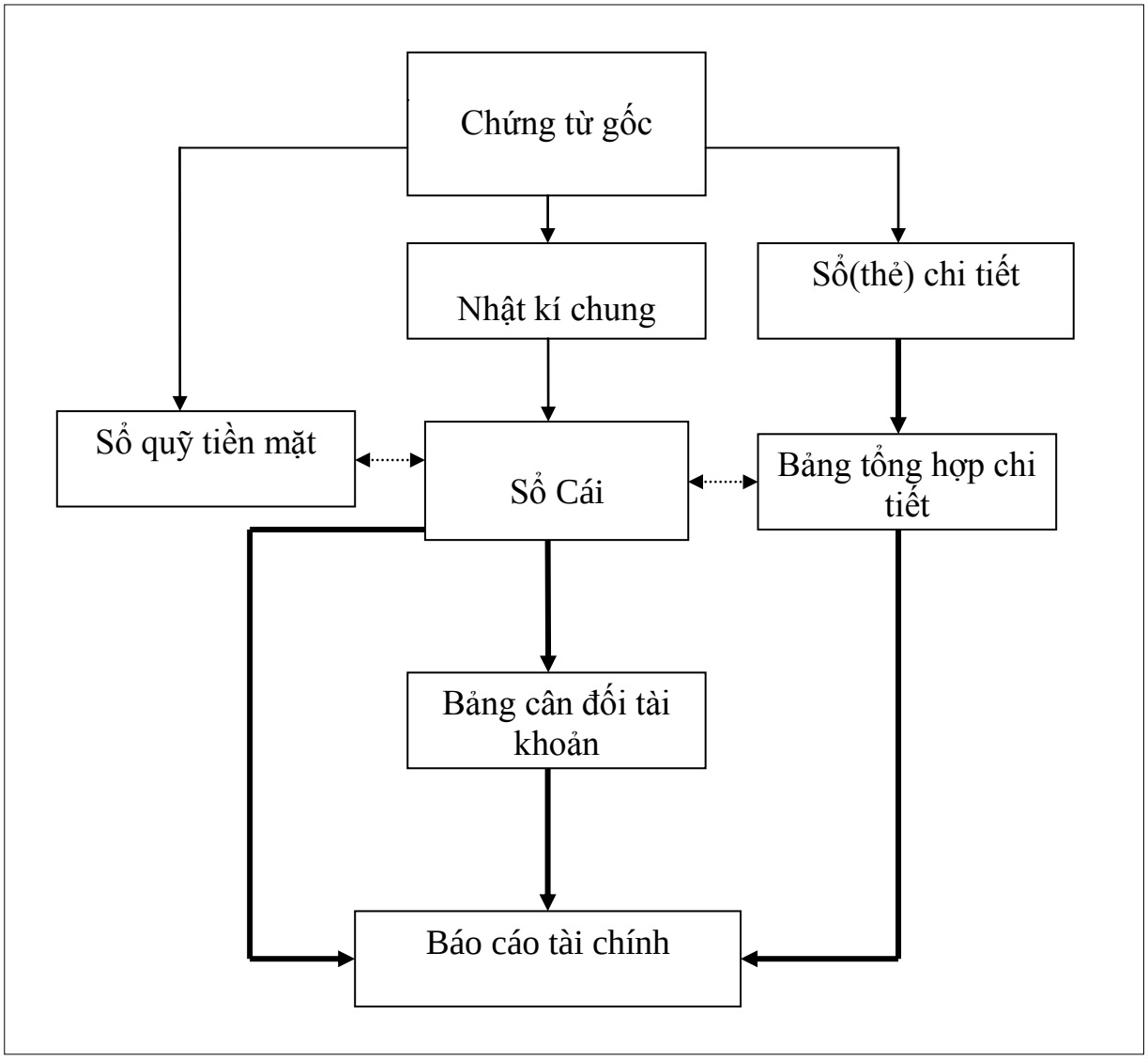

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ——→

Ghi cuối tháng (quý, năm): ═══→

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra: ◄·····►

2.3. Thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang là một công ty thương mại, cung cấp các sản phẩm Sơn và Bột bả cho ngành xây dựng nên công tác kế toán được các nhà quản lý đặc biệt quan tâm. Không chỉ là mục tiêu lợi nhuận mà quan trọng nhất là chất lượng và khả năng cung cấp sản phẩm, đáp ứng nhu cầu cho các công trình xây dựng. Hơn nữa, quá trình này phản ánh tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, là cơ sở xác định nguồn tài chính, phục vụ chiến lược mang tính chất tài chính của Công ty

** Đặc điểm chi phí*

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại nên chi phí kinh doanh của công ty không có chi sản xuất mà chỉ bao gồm: Giá vốn hàng bán, chi phí quản lý kinh doanh và các chi phí khác phát sinh trong quá trình kinh doanh, trong đó quan trọng nhất là giá vốn hàng bán, giá vốn hàng bán gần như chiếm đến 94% tổng chi phí của công ty.

** Đặc điểm doanh thu*

Là một doanh nghiệp nhỏ hoạt động thương mại nên hoạt động chính của doanh nghiệp là hoạt động bán hàng.Do đó, doanh thu của doanh nghiệp chủ yếu là doanh thu thu từ hoạt động bán hàng.

2.3.1. Phương thức bán hàng

Phương thức bán hàng được áp dụng chủ yếu là phương thức giao bán trực tiếp qua kho bao gồm cả bán buôn và bán lẻ.

- Thời điểm xác định doanh thu: Theo phương thức này, thời điểm bên mua nhận đủ hàng và ký xác nhận đầy đủ, hợp lệ vào các chứng từ hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu xuất kho, phiếu thu và các giấy tờ liên quan theo quy định của công ty là thời điểm hàng được coi là bán (tiêu thụ).
- Thủ tục chứng từ: Theo phương thức này thì khách hàng sẽ đến kho của công ty để nhận hàng theo đúng số lượng, chất lượng, giá cả đã xác định mua trong

hợp đồng. Khi khách hàng xuất trình hóa đơn bán hàng, phiếu xuất kho, phiếu thu (trường hợp khách hàng thanh toán ngay bằng tiền mặt) và các giấy tờ theo quy định của Công ty. Công ty thực hiện kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của các chứng từ và tiến hành giao cho khách hàng. Các chi phí liên quan như: Chi phí bốc xếp, vận chuyển có thể do bên mua hoặc bên bán chịu theo thỏa thuận trước. Khi khách hàng chấp nhận thanh toán thì hàng xuất kho giao cho khách hàng được coi là tiêu thụ.

2.3.2. Kế toán doanh thu

Doanh thu tiêu thụ của công ty được xác định như sau:

*Doanh thu tiêu thụ hàng hóa = đơn giá bán * số lượng hàng hóa tiêu thụ*

Doanh thu bán hàng của công ty được ghi nhận sau khi việc giao nhận hàng hoàn tất, kế toán xuất hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Công ty chủ yếu áp dụng hình thức bán hàng trực tiếp, hai bên thực hiện giao nhận hàng tại kho của công ty hoặc kho của khách hàng. Khi có đơn đặt hàng, phòng kinh doanh sẽ lập tổ chức ký kết hợp đồng theo thỏa thuận của cả hai bên. Nội dung hợp đồng sẽ quy định rõ nơi hàng hóa được giao nhận và hình thức thanh toán của khách hàng. Theo hình thức tiêu thụ này, khi hàng hóa đã được giao cho khách hàng thì công ty coi như hàng hóa đã được tiêu thụ, công ty không còn quyền sở hữu đối với hàng hóa nữa. Khi đó kế toán sẽ lập hóa đơn GTGT chuyển tới phía khách hàng cùng với biên bản giao nhận hàng hóa. Hóa đơn bán hàng này phản ánh doanh thu của số hàng đã xuất bán và sẽ được làm căn cứ để cuối tháng kế toán lên bản kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa bán ra.

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang là một công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại xây dựng, hoạt động chủ yếu của công ty là hoạt động bán hàng. Do đó, doanh thu của công ty chủ yếu thu từ hoạt động bán hàng. Đây là nguồn lợi nhuận gần như là duy nhất của công ty do đó nó đòi hỏi việc hạch toán doanh thu phải được thực hiện một cách chính xác và đầy đủ.

Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT.
- Biên bản giao nhận hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan
- Giấy báo có của Ngân hàng

TK sử dụng:

- TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 131 – Phải thu khách hàng
- TK 112 – Tiền gửi Ngân hàng
- TK 111 – Tiền mặt

Sổ sách sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ Cái TK 511

Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính

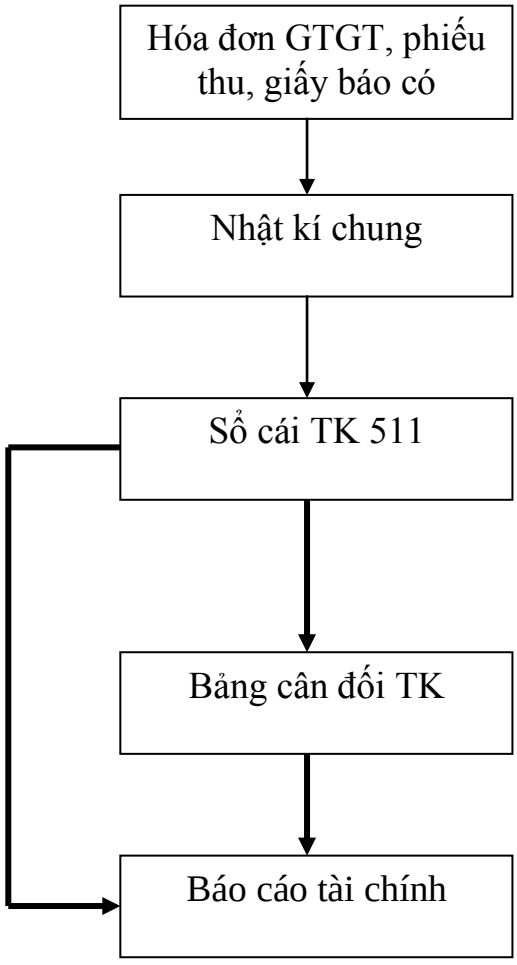

Ví dụ: Ngày 1/12/2011 Công ty bán 1 lô hàng Sơn cho công ty TNHH TM Chung Hằng với tổng giá thanh toán là 258.358.100 đồng, bao gồm thuế giá trị gia tăng là 10%, giá vốn của lô hàng là 232.986.700 đồng. Công ty TNHH TM Chung Hằng chưa thanh toán

Kế toán dựa vào hóa đơn giá trị gia tăng rồi ghi nghiệp vụ vào sổ Nhật ký chung rồi vào sổ Cái TK 511

CỤC THUẾ TP.HẢI PHÒNG Mẫu số: 01GTKT3/001

Ký hiệu: **02AB/11P**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Số: **0079775**

Liên 3: Nội bộ

Ngày 1 tháng 12 năm 2011

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang
Mã số thuế: 0200829891
Địa chỉ: Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh-Cát Dài-Lê Chân-Hải Phòng
Điện thoại: 031.378420……..Số tài khoản:

Họ tên người mua hàng: Đinh Thị Thu Hằng
Tên đơn vị: Công ty TNHH TM Chung Hằng
Mã số thuế: 0200655677
Địa chỉ: Số 888 Tôn Đức Thắng-Sở Dầu-Hồng Bàng-Hải Phòng
Hình thức thanh toán Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Sơn Expo Satin 6+1 18L	Thùng	10	1.390.000	13.900.000
02	Sơn Expo Satin 6+1 forint 3,6L	Thùng	27	970.000	26.190.000
03	Sơn Expo Satin 6+1 18L	Thùng	132	1.180.500	155.826.000
04	Sơn Expo Satin 6+1 18L	Thùng	30	1.298.500	38.955.000

Cộng tiền hàng: 234.871.000

Thuế xuất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT: 23.487.100

Tổng cộng tiền thanh toán 258.358.100

Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm năm mươi tám triệu ba trăm năm mươi tám nghìn một trăm đồng

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ: Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh-Cát Dài-Lê Chân-Hải Phòng Ban hành theo QĐ số48/2006/QĐ – BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/1/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		……			
1/12	GNT	Nộp tiền mặt vào TK	112 111	45.255.000	 45.255.000
1/12	**HĐ 0079775 PX 01**	**Xuất hàng bán cho Công ty TNHH TM Chung Hằng**	**632** **156** **131** **511** **3331**	**232.986.700** **258.358.100**	 **232.986.700** **234.871.000** **23.487.100**
1/12	HĐ 0465273 PC 01	Thanh toán tiền cước điện thoại	642 133 111	156.931 15.693	 172.624
		……			
6/12	HĐ 0079776 PX 02	Xuất hàng bán cho Công ty TNHH TM Chung Hằng	632 156 131 511 3331	228.528.050 253.996.600	 228.528.050 230.906.000 23.090.600
		……..			
21/12	HĐ 0009739 PN 28	Nhập kho Sơn chưa thanh toán	156 133 331	7.709.660 770.966	 8.480.626
		……			
		Tổng cộng		49.788.301.956	49.788.301.956

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh-Cát Dài-Lê Chân-Hải Phòng Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản: 511- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011.

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng			
		Số phát sinh			
1/12	**HĐ 0079775 PX 01**	**Xuất hàng bán cho Công ty TNHH TM Chung Hằng chưa thu được tiền**	**131**		**234.871.000**
6/12	HĐ 0079776 PX 02	Xuất hàng bán cho Công ty TNHH TM Chung Hằng chưa thu được tiền	131		230.906.000
7/12	HĐ 0079777 PX 03	Xuất bán bột bả cho Công ty CP tư vấn kiến trúc và đầu tư xây dựng HDA	111		16.620.000
		……..			
31/12	PKT80	Kết chuyển doanh thu	911	666.793.480	
		Cộng số phát sinh		666.793.480	666.793.480
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán

Hàng hóa của công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang chủ yếu là mua đi bán lại, giá tính theo lô hàng khá ổn định, để thuận lợi cho việc quản lý kho hàng cũng như đảm bảo chất lượng hàn hóa nên công ty thực hiện tính giá theo phương pháp Nhập trước – Xuất trước (FIFO). Hàng hóa xuất bán đều được ghi chép và phản ánh vào các chứng từ phù hợp. Từ đó được phân loại và hạch toán vào sổ sách có liên quan.

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho.
- Hóa đơn GTGT.
- Các chứng từ có liên quan khác

TK sử dụng:

- TK 632 – Giá vốn hàng bán

Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 632

Trình tự ghi sổ kế toán giá vốn

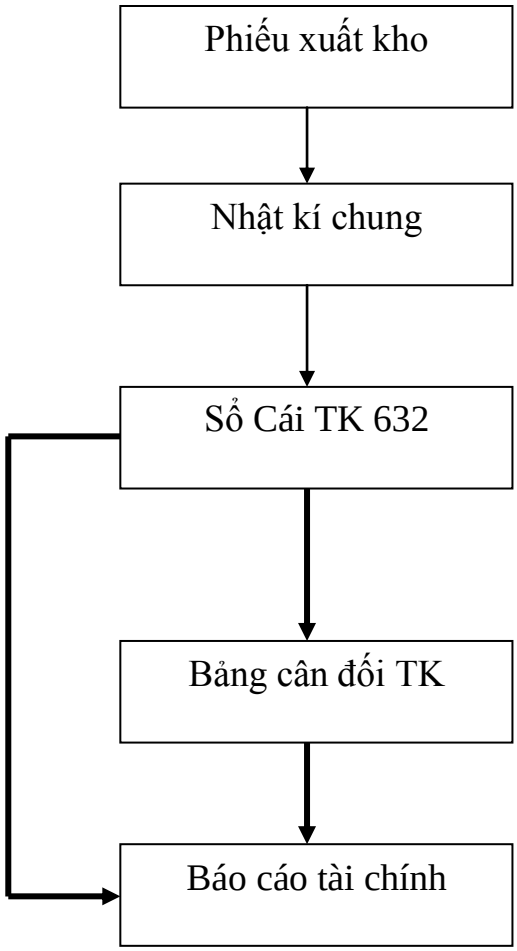

Ví dụ 1: Ngày 6/12/2011 Công ty xuất 1 lô hàng Sơn bán cho Công ty TNHH TM Chung Hằng có giá xuất kho là 228.528.050 đồng

Căn cứ vào phiếu xuất kho, kế toán phản ánh nghiệp vụ vào sổ nhật ký chung, rồi từ nhật ký chung vào sổ Cái TK 632

Đơn vị: Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang

Mẫu số 02-VT

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC, ngày 14/9//2006 của Bộ trưởng BTC

Bộ phận:

Mã đơn vị SDNS:

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 06 tháng 12 năm 2011

Số 02 Nợ TK 632

Có TK 156

Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Thị Hà. Bộ phận: kinh doanh

Lý do xuất kho : xuất bán cho Công ty TNHH TM Chung Hằng

Xuất tại kho: …….địa điểm……..

STT	Tên hàng hóa	ĐV tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
			Yêu cầu	Thực xuất		
01	Sơn Expo satin6+1 forint 18L	Thùng		69	953.510	65.792.190
02	Sơn Expo satin6+1 forint 18L	Thùng		26	959.820	24.955.320
03	Sơn Expo satin 6+1 forint 18L	Thùng		76	1.049.540	79.765.040
04	Sơn Expo satin 6+1 forint 3,6L	Thùng		57	872.520	49.733.640
05	Sơn Expo satin 6+1 18L	Thùng		6	1.380.310	8.281.860
	Cộng					228.528.050

Tổng số tiền(viết bằng chữ):Hai trăm hai mươi tám triệu năm trăm hai mươi tám nghìn không trăm năm mươi đồng.

Sổ chứng từ kèm theo: ……

Ngày 6 tháng 12 năm 2011

Người lập Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Thủ trưởng đơn vị

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ: Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh-Cát Dài-Lê Chân-Hải Phòng Ban hành theo QĐ số48/2006/QĐ – BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/1/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		……			
1/12	GNT	Nộp tiền mặt vào TK	112 111	45.255.000	 45.255.000
1/12	**HĐ 0079775 PX 01**	**Xuất hàng bán cho Công ty TNHH TM Chung Hằng**	**632** **156** **131** **511** **3331**	**232.986.700** **258.358.100**	 **232.986.700** **234.871.000** **23.487.100**
1/12	HĐ 0465273 PC 01	Thanh toán tiền cước điện thoại	642 133 111	156.931 15.693	 172.624
		……			
6/12	HĐ 0079776 PX 02	Xuất hàng bán cho Công ty TNHH TM Chung Hằng	632 156 131 511 3331	228.528.050 253.996.600	 228.528.050 230.906.000 23.090.600
		……..			
21/12	HĐ 0009739 PN 28	Nhập kho Sơn chưa thanh toán	156 133 331	7.709.660 770.966	 8.480.626
		……			
		Tổng cộng		49.788.301.956	49.788.301.956

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng, dấu)

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh-Cát Dài-Lê Chân-Hải Phòng Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản: 632- Giá vốn hàng bán.

Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011.

Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng			
		Số phát sinh			
1/12	PX 01	Xuất hàng bán cho Công ty TNHH TM Chung Hằng	156	232.986.700	
6/12	**PX 02**	**Xuất hàng bán cho Công ty TNHH TM Chung Hằng**	**156**	**228.528.050**	
		……			
20/12	PX 05	Bán Bột bả cho Công ty CP Tư vấn kiến trúc và Đầu tư xây dựng HDA	156	15.993.600	
		……			
31/12	PKT81	Kết chuyển giá vốn	911		628.685.005
		Cộng số phát sinh		628.685.005	628.685.005
		Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.3.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Công tác kế toán chi phí quản lý kinh doanh là một khâu hạch toán quan trọng giúp hình thành một tổng thể thông tin hoàn chỉnh phục vụ cho các nhà quản lý, nó xác định các khoản chi phí cần thiết phục vụ cho quá trình tiêu thụ hàng hoá, là cơ sở để lập dự toán chi phí, kế hoạch quỹ lương, tính toán nhu cầu vốn lưu động định mức, giúp xác định kết quả kinh doanh trong kỳ chính xác. Bên cạnh đó từ những thông tin kế toán có được nhà quản lý sẽ quyết định cắt giảm bớt những khoản chi phí nào không cần thiết để nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng.
- Bảng tính và thanh toán tiền lương nhân viên.
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.
- Hóa đơn tiền điện thoại, điện nước.
- Hóa đơn vận chuyển và các hóa đơn dịch vụ khác.
- Các chứng từ liên quan khác.

Tài khoản sử dụng:

-TK 642- Chi phí quản lý kinh doanh.

Sổ sách kế toán sử dụng:

- Sổ nhật ký chung.
- Sổ Cái TK 642

Trình tự ghi sổ kế toán chi phí quản lý kinh doanh

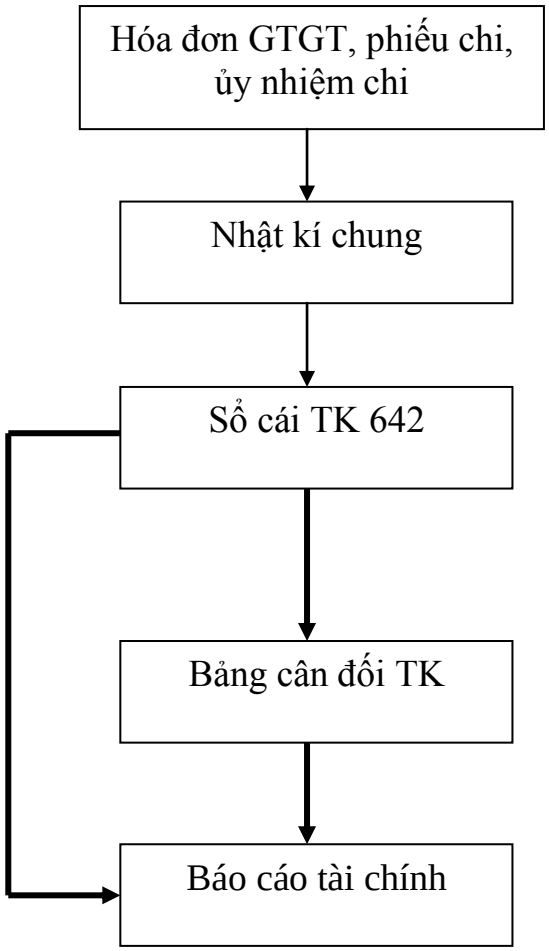

Ví dụ: Ngày 1/12 Công ty thanh toán tiền cước điện thoại cho Trung tâm Thông tin di động khu vực V bằng tiền mặt, tổng số tiền phải thanh toán là 172.624 đồng, bao gồm thuế GTGT 10%.

Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng và phiếu chi, kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung, đồng thời ghi nhận vào sổ cái TK 642

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT) **Mẫu số 01GTKT2/001 VT01**

TELECOMMUNICATINON SERVICE INVOICE (VAT) **Ký hiệu (Serial No): AA/11P**

Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy) **Số (No): 0465273**

Mã số thuế: 0200287977-022

Viễn thông (Telecommunication): Hải phòng-TT dịch vụ Khách hàng

Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray, Ngô Quyền, Hải Phòng

Tên khách hàng(Customer's name): **Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang**

Địa chỉ(Address): **Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh-Cát Dài-Lê Chân-Hải Phòng**

Số điện thoại(Tel): **0313738420** Mã số (code): **HPG-01-126742 (T4SDU1)**

Hình thức thanh toán: **TM/CK** **MST: 0200829891**

STT (NO)	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG (QUANTIT)	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT) VND
1	2	3	4	5	6=4*5
	Kỳ cước tháng: **11/2011** a. Cước dịch vụ viễn thông b. Cước dịch vụ viễn thông không thuế c.Chiết khấu + đa dịch vụ d.Khuyến mại e.Trừ đặt cọc + trích thưởng+ nợ cũ				**156.931** **0** **0** **0** **0**
(a + b + c + d) Cộng tiền dịch vụ(Total) (1):					**156.931**
Thuế suất GTGT(VAT rate):10%*(1)= Tiền thuế GTGT (VAT amount) (2):					**15.693**
(1 + 2 + e) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (1+2):					**172.624**

Số tiền viết bằng chữ (in words): **Một trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi tư đồng**

Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Người nộp tiền ký Nhân viên giao dịch ký

(Signature of payer) (Signature of dealling staff)

Đơn vị: Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang

Bộ phận:

Mã đơn vị SDNS:

Mẫu số 02-TT

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC, ngày 14/9//2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Số 01

Nợ: 642, 133

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Nguyễn Thu Hà.....

Địa chỉ: Phòng kinh doanh.....

Lý do chi: Thanh toán tiền điện thoại…….

Số tiền: 172.624……..(viết bằng chữ): Một trăm bảy mươi hai nghìn sáu trăm hai mươi bốn đồng……..

Kèm theo HĐ 0465273…….Chứng từ gốc……

Ngày 01 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ)……

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý)……

Số tiền quy đổi…….

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang Mẫu số S03a-DNN

Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh-Cát Dài-Lê Chân-Hải Phòng Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9//2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/1/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		……			
1/12	HĐ 0079775 PX 01	Xuất hàng bán cho Công ty TNHH TM Chung Hằng	632 156 131 511 3331	232.986.700 258.358.100	 232.986.700 234.871.000 23.487.100
1/12	**HĐ 0465273 PC 01**	**Thanh toán tiền cước điện thoại**	**642 133 111**	**156.931 15.693**	 **172.624**
		……			
6/12	HĐ 0079776 PX 02	Xuất hàng bán cho Công ty TNHH TM Chung Hằng chưa thu được tiền	632 156 131 511 3331	228.528.050 253.996.600	 228.528.050 230.906.000 23.090.600
		……..			
31/12	BTTL 12	Phải trả CNV	642 334	19.370.000	 19.370.000
		……			
		Tổng cộng		49.788.301.956	49.788.301.956

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh-Cát Dài-Lê Chân-Hải Phòng Ban hành theo QĐ 48/2006-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý kinh doanh.

Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng			
		Số phát sinh			
1/12	**HĐ 0465273 PC 01**	**Thanh toán tiền cước điện thoại**	**111**	**156.931**	
05/12	PT 6434690D 00119871	Thanh toán tiền phí dịch vụ Ngân hàng	112	9.091	
28/12	PT 6434690D 00120229	Thanh toán tiền phí dịch vụ Ngân hàng	112	11.749	
31/12	BTTL 12	Phải trả công nhân viên	334	19.370.000	
31/12	PKT 82	Kết chuyển chi phí	911		25.532.475
		Cộng số phát sinh		25.532.475	25.532.475
		Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 12 năm2011

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.3.5. Kế toán doanh thu tài chính

Doanh thu tài chính của công ty chủ yếu là các khoản chiết khấu khi mua hàng mà công ty trả tiền sớm cho người bán.

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản kế toán sử dụng:

-TK 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Sổ sách kế toán sử dụng:

- Sổ nhật ký chung
- Sổ Cái TK 515

Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu hoạt động tài chính

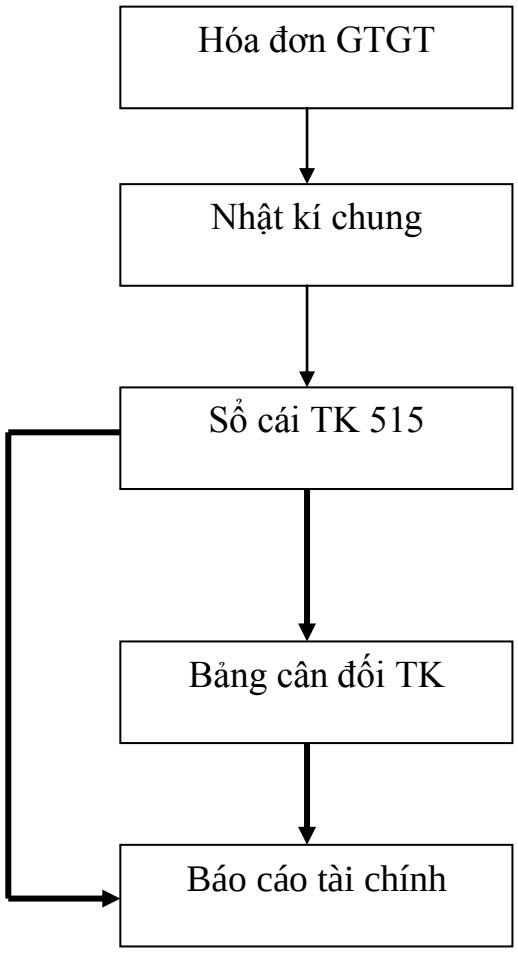

Ví dụ: Ngày 13/12 mua hàng của Công ty 4 Oranger Co.,LTD Miền Bắc tổng cộng tiền hàng là 10.854.300 đồng, thuế GTGT 10%, khách hàng cho Công ty hưởng chiết khấu 854.300 đồng trên hóa đơn giá trị gia tăng. Công ty đã trả bằng tiền mặt

Căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng và phiếu chi kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung sau đó vào sổ cái TK 515

Công ty 4 Oranges Co.,LTD Miền Bắc
MST:1100589373-004
Khu Công nghiệp Đại Đồng
Hoàn Sơn-Tiên Du-Bắc Ninh
Điện thoại: 0241.3847083
Fax:0241.3847058

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Mẫu số:01GTKT2/001
Ký hiệu:**AA/11P**-Số **0031866**
Ngày 13 tháng 12 năm 2011

Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương thương mại dịch vụ Minh Quang
MST: 0200829891
Địa chỉ: Sô 49/175 Nguyễn Đức Cảnh-Cát Dài-Lê Chân-Hải Phòng
Địa chỉ giao hàng:KCN Đại Đồng Hoàn Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh
Hình thức thanh toán:TM/CK
Mã khách hàng: U58
Tiếp thị: Nguyễn Tùng Lâm

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5
1	Expo Emul in 2 18L	Thùng	5	426.800	2.134.000
2	Expo Ex-Proof 16L	Thùng	10	872.030	8.720.300
	Chiết khấu thương mại				854.300
	Số tiền viết bằng chữ: Mười một triệu đồng	Cộng tiên hàng Thuế GTGT 10% Tổng cộng tiền thanh toán			10.584.300 1.000.000 11.000.000

Người mua
Ký, ghi rõ họ tên

Người bán
Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn)

Đơn vị: Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang

Bộ phận:

Mã đơn vị SDNS:

Mẫu số C30-BB

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC, ngày 14/9//2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 13 tháng 12 năm 2011

Số 12

Nợ: 156, 133

Có: 111,515

Họ và tên người nhận tiền: Vũ Tiến Đạt.....

Địa chỉ: Phòng giao nhận.....

Lý do chi: Thanh toán tiền mua hàng…….

Số tiền: 11.000.000……(viết bằng chữ): Mười một triệu đồng chẵn

Kèm theo HĐ 0030970…….Chứng từ gốc……

Ngày 13 tháng 12 năm 2011

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ)……

Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý)……

Số tiền quy đổi…….

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang — Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh-Cát Dài-Lê Chân-Hải Phòng — Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/1/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		……			
1/12	HĐ 0079775 PX 01	Xuất hàng bán cho Công ty TNHH TM Chung Hằng chưa thu được tiền	632 156 131 511 3331	232.986.700 258.358.100	 232.986.700 234.871.000 23.487.100
1/12	HĐ 0465273 PC 01	Thanh toán tiền cước điện thoại	642 133 111	156.931 15.693	 172.624
		……			
6/12	HĐ 0079776 PX 02	Xuất hàng bán cho Công ty TNHH TM Chung Hằng chưa thu được tiền	632 156 131 511 3331	228.528.050 253.996.600	 228.528.050 230.906.000 23.090.600
		……			
13/12	**HĐ 0031866 PC 12**	**Mua Sơn của Công ty 4 Oranger Co., LTD Miền Bắc đã trả bằng tiền mặt**	**156 133 111 515**	**10.854.300 1.000.000**	 **11.000.000 854.300**
		……			
		Tổng cộng		49.788.301.956	49.788.301.956

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh-Cát Dài-Lê Chân-Hải Phòng Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản: 515- Doanh thu hoạt động tài chính.

Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011.

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số			Nợ	Có
		Số dư đầu tháng			
		Số phát sinh			
13/12	**HĐ 0031866 PC 12**	**Mua Sơn của Công ty 4 Oranger Co.,LTD Miền Bắc đã trả bằng tiền mặt**	**156**		**854.300**
20/12	GBC	Tiền lãi Ngân hàng ACB	112		337.079
		……			
31/12	PKT 83	Kết chuyển doanh thu tài chính	911	1.191.379	
		Cộng số phát sinh		1.191.379	1.191.379
		Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.3.6. Kế toán xác định kết quả tiêu thụ tại công ty

Xác định kết quả kinh doanh là một công việc hết sức quan trọng đối với tất cả các doanh nghiệp vì nó phản ánh tình hình kinh doanh của doanh nghiệp trong giai đoạn đã qua. Nó là cơ sở để doanh nghiệp đánh giá khái quát về những thành tựu hay yếu kém trong kinh doanh của mình. Ngoài ra, nó còn là đối tượng quan tâm của nhiều đối tượng khác như các thuế, đối tác, nhà đầu tư, ngân hàng … Do vậy, việc xác định kết quả kinh doanh cần phải được thực hiện chính xác, khách quan và toàn diện về tình hình kinh doanh của công ty.

Đối với doanh nghiệp thương mại, hoạt động bán hàng là hoạt động chính và quan trọng nhất của doanh nghiệp. Kết quả của hoạt động bán hàng đối với doanh nghiệp thương mại góp phần lớn vào kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Chính vì vậy, công việc này đòi hỏi phải được thực hiện với độ chính xác cao và tránh nhầm lẫn.

❖ Để xác định kết quả hoạt động kinh doanh cần phải xác định được doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và các khoản chi phí phát sinh trong kỳ, kế toán phải thực hiện các bút toán kết chuyển sau:

- Kết chuyển doanh thu thuần
- Kết chuyển giá vốn hàng bán
- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh

Xác định kết quả hoạt động kinh doanh được xác định như sau:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ = *Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ* − *Các khoản giảm trừ doanh thu*

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ = *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ* − *Giá vốn hàng bán*

Lợi nhuận thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ = *Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ* − *Chi phí quản lý kinh doanh*

❖ Để xác định kết quả hoạt động tài chính cần phải xác định được doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển sau:

- Kết chuyển doanh thu tài chính
- Kết chuyển chi phí tài chính

Việc xác đinh kết quả hoạt động tài chính như sau:

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính = *Doanh thu từ hoạt động tài chính* − *Chi phí tài chính*

❖ Để xác định kết quả hoạt động khác cần phải xác định được các khoản thu nhập khác và chi phí phát sinh trong kỳ, kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển sau:

- Kết chuyển thu nhập khác
- Kết chuyển chi phí khác

Việc xác định kết quả hoạt động khác được thực hiện như sau:

Lợi nhuận khác = *Thu nhập khác* − *Chi phí khác*

Xác định kết quả kinh doanh

Tổng lợi nhuận = *Lợi nhuận từ hoạt động SXKD* + *Lợi nhuận từ hoạt động TC* + *Lợi nhuận khác*

Chứng từ kế toán sử dụng

- Sổ cái các tài khoản doanh thu, chi phí
- Phiếu kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển

TK kế toán sử dụng

- TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối

Sổ sách kế toán sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 911, TK 421, TK 821(nếu lãi)

Căn cứ vào các phiếu kế toán thể hiện các bút toán kết chuyển, kế toán ghi nhận vào sổ nhật ký chung, từ số liệu trên sổ nhật ký chung, kế toán ghi nhận vào sổ cái TK 911, sổ cái TK 421, 821 và các sổ cái tài khoản khác có liên quan.

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang
Địa chỉ: Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh-Cát Dài-Lê Chân-Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Từ ngày 1/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Số phiếu: 80

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	666.793.480			
	Cộng			666.793.480			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang
Địa chỉ: Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh-Cát Dài-Lê Chân-Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Từ ngày 1/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Số phiếu: 81

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	628.685.005			
	Cộng			628.685.005			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang
Địa chỉ: Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh-Cát Dài-Lê Chân-Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Từ ngày 1/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Số phiếu: 82

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911	642	25.532.475			
	Cộng			25.532.475			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Người lập

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang
Địa chỉ: Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh-Cát Dài-Lê Chân-Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Từ ngày 1/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Số phiếu: 83

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển doanh thu tài chính	911	515	1.191.379			
	Cộng			1.191.379			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Người lập

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang
Địa chỉ: Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh-Cát Dài-Lê Chân-Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Từ ngày 1/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Số phiếu: 84

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	XĐ chi phí thuế TNDN	821	3334	3.441.845			
	Cộng			3.441.845			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Người lập

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang
Địa chỉ: Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh-Cát Dài-Lê Chân-Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Từ ngày 1/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Số phiếu: 85

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lãi	911	821	3.441.845			
	Cộng			3.441.845			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011
Người lập

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang

Địa chỉ: Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh-Cát Dài-Lê Chân-Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Từ ngày 1/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Số phiếu: 86

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền	Chi tiết tài khoản		
					TK Nợ	TK Có	Số tiền
1	Kết chuyển lãi	911	421	10.325.534			
	Cộng			10.325.534			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người lập

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang Mẫu số S03a-DNN

Địa chỉ: Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh-Cát Dài-Lê Chân-Hải Phòng Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/1/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			Nợ	Có
		……..			
31/12	PKT 80	Kết chuyển doanh thu	511 911	666.793.480	666.793.480
31/12	PKT 81	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911 632	628.685.005	628.685.005
31/12	PKT 82	Kết chuyển chi phí quản lý KD	911 642	25.532.475	25.532.475
31/12	PKT 83	Kết chuyển doanh thu tài chính	515 911	1.191.379	1.191.379
31/12	PKT 84	XĐ chi phí thuế TNDN	821 3334	3.441.845	3.441.845
31/12	PKT 85	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	3.441.845	3.441.845
31/12	PKT 86	Kết chuyển lãi	911 421	10.325.534	10.325.534
		Cộng		49.788.301.956	49.788.301.956

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh-Cát Dài-Lê Chân-Hải Phòng Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản: 821- Chi phí thuế TNDN hiện hành

Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			PS Nợ	PS Có
		Số dư đầu tháng			
		Số phát sinh			
31/12	PKT 84	XĐ chi phí thuế TNDN	3334	3.441.845	
31/12	PKT 85	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		3.441.845
		Cộng số phát sinh		3.441.845	3.441.845
		Số dư cuối tháng			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang
Địa chỉ: Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh-Cát Dài-Lê Chân-Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN
Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản: 911- Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			PS Nợ	PS Có
		Số dư đầu tháng			
		Số phát sinh			
31/12	PKT 80	Kết chuyển doanh thu	511		666.793.480
31/12	PKT 81	Kết chuyển giá vốn	632	628.685.005	
31/12	PKT 82	Kết chuyển chi phí kinh doanh	642	25.532.475	
31/12	PKT 83	Kết chuyển doanh thu tài chính	515		1.191.379
31/12	PKT 85	Chi phí thuế TNDN	821	3.441.845	
31/12	PKT 86	Kết chuyển lãi	421	10.325.534	
		Cộng số phát sinh		667.984.859	667.984.859
		Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang Mẫu số S03b-DNN

Địa chỉ: Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh-Cát Dài-Lê Chân-Hải Phòng Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI

Tài khoản: 421- Lợi nhuận chưa phân phối

Từ ngày 01/12/2011 đến ngày 31/12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số hiệu			PS Nợ	PS Có
		Số dư đầu kì			76.179.466
31/12	PKT 86	Kết chuyển lãi	911		10.325.534
		Cộng số phát sinh			10.325.534
		Số dư cuối kì			86.505.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: B-02/DNN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/09/2009 của Bộ Tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh Phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2011

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XD VÀ TMDV MINH QUANG
Mã số thuế: 0200829891
Địa chỉ trụ sở: Số 49 Ngõ 175 Nguyễn Đức Cảnh
Quận Huyện: Lê Chân Tỉnh/Thành phố: Hải Phòng
Điện thoại: 031.378420 Fax: Email:
Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**	**(6)**
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	5.556.288.788	3.274.020.270
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	**Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=02-01)**	**10**		**5.556.288.788**	3.274.020.270
4	Giá vốn hàng bán	11		5.180.220.046	3.216.880.893
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)**	**20**		**376.068.742**	57.139.377
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		9.660.965	91.995.009
7	Chi phí tài chính	22			
	-Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		270.389.770	118.754.928
9	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24)**	**30**		**115.340.000**	30.379.458
10	Thu nhập khác	31			
11	Chi phí khác	32			
12	**Lợi nhuận khác(40=31-32)**	**40**			
13	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)**	**50**	IV.09	**115.340.000**	30.379.458
14	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51		28.835.000	7.594.865
15	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51)**	**60**		**86.505.000**	22.784.593

Lập ngày 02 tháng 03 năm 2012

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Chương 3

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH QUANG

3.1. Đánh giá thực trạng về công tác kế toán tại công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang.

3.1.1. Những ưu điểm

Qua những phân tích và nhận xét về tình hình tổ chức công tác kế toán tại công ty như trên ta có thể thấy công ty đã vận dụng khá tốt các chuẩn mực và chế độ kế toán của nước ta. Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang đã từng bước thực hiện mô hình quản lý, hạch toán khoa học phù hợp với lĩnh vực hoạt động cũng như quy mô kinh doanh giúp cho công ty ngày càng ổn định về tài chính, đứng vững trên thị trường. Nhờ vậy, trong những năm qua công ty đã liên tục đạt được nhiều thành công.

Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý phù hợp với quy mô kinh doanh, các bộ phận chuyên trách được chia thành các phòng ban chức năng khác nhau để quản lý tốt hoạt động của công ty. Các bộ phận có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và kịp thời cung cấp thông tin cần thiết cho nhà lãnh đạo công ty trong việc giám sát, kiểm tra và nghiên cứu thay đổi chính sách quản lý kinh tế phù hợp với yêu cầu quản lý nói chung và đặc điểm kinh doanh của công ty nói riêng. Cùng với sự phát triển lớn mạnh của công ty, công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện. Kế toán đã phát huy được vai trò của mình trong quản lý kinh doanh của công ty, đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin cho nhà quản lý.

Qua thời gian thực tập, tìm hiểu về bộ máy kế toán của công ty, em nhận thấy bộ máy kế toán của công ty đã đạt được rất nhiều thành tựu đáng kể:

❖ ***Về tổ chức bộ máy kế toán:***

Bộ máy kế toán được tổ chức theo phương thức kế toán tập trung nên hoạt động của bộ máy kế toán sẽ phát huy được hiệu quả tối đa. Mỗi kế toán viên đảm nhận những chức năng nhiệm vụ riêng. Kế toán trưởng sẽ trực tiếp chỉ đạo và điều hành các nhân viên trong phòng kế toán – Thống kê, kế toán trưởng sẽ nắm bắt thông tin một cách nhanh chóng, chính xác để từ đó phát hiện những sai sót và có biện pháp xử lý kịp thời. Tránh được những nhược điểm của việc điều hành chỉ đạo thông qua khâu trung gian. Mặt khác giữa các kế toán viên phụ trách các phần hành kế toán khác nhau cũng có sự phối hợp thường xuyên để hạch toán các phần hành có liên quan. Bộ máy kế toán của công ty có nhiệm vụ thu thập, xử lý các thông tin kinh tế phục vụ cho quá trình hạch toán kế toán và cung cấp thông tin tài chính phục vụ tốt cho công tác quản lý tài chính của công ty.

Về nhân sự, bộ máy kế toán được tổ chức gọn nhẹ, hợp lý hoạt động có hiệu quả, đảm bảo nguyên tắc bất bất kiêm nhiệm và nguyên tắc phân công phiên nhiệm. Khối lượng công việc được giao cho từng nhân viên rõ ràng, hợp lý và phù hợp với trình độ chuyên môn của từng người. Bên cạnh đó, các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn (trình độ cao đẳng trở lên) và giàu kinh nghiệm thực tế, nhiệt tình trong công việc chính vì thế công tác kế toán tại công ty được thực hiện khá chính xác chuyên nghiệp và hiệu quả.

Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời nên đối chiếu kiểm tra số liệu tổng hợp và lên báo cáo tài chính được thuận lợi, dễ dàng. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao

❖ ***Về chứng từ và luân chuyển chứng từ:***

Các chứng từ kế toán sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, đúng với mẫu do Bộ Tài Chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ - BTC của Bộ trưởng-BTC.

❖ ***Về hình thức kế toán:***

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung để ghi sổ. Hình thức này vừa đơn giản, ghi chép không quá phức tạp cả về quy trình ghi sổ cũng như yêu cầu về các loại sổ sách mà thông tin còn được ghi chép rất đầy đủ, chi tiết, đảm bảo có hệ thống, chính xác, phù hợp với quy mô cũng như yêu cầu hạch toán chung của công ty.

❖ ***Về hệ thống tài khoản:***

Công ty đã áp dụng tuân thủ đúng chế độ Nhà nước ban hành, kế toán hạch toán theo như nội dung tài khoản.

❖ ***Về sổ sách kế toán:***

Công ty sử dụng hình thức ghi sổ là " Nhật ký chung", hình thức này khá đơn giản và phù hợp với mô hình kinh doanh của Công ty. Điều đó đã giúp cho kế toán giảm bớt được rất nhiều khối lượng công việc tính toán và ghi chép chính xác hơn, khiến cho việc lập báo cáo trở lên nhanh chóng, thuận tiện và chính xác. Bên cạnh đó, hệ thống sổ chi tiết của công ty cũng khá đầy đủ nên về cơ bản là đáp ứng được yêu cầu về quản lý. Bên cạnh đó công ty còn thực hiện tính toán dựa trên excel, do đó công tác đối chiếu tài liệu trên máy với sổ sách ghi chép thủ công nếu được thực hiện thường xuyên thì sẽ giúp dễ dàng tìm ra được sai sót trong công tác kế toán của doanh nghiệp.

Cuối mỗi kỳ, các kế toán viên của công ty còn có nhiệm vụ sao chép số liệu trong kỳ sang lưu trữ tại các đĩa CD đồng thời cuối mỗi năm, tất cả các loại sổ sách cần thiết đều được in ra và đưa vào kho tài liệu lưu trữ song song với số liệu trên máy tính để bảo toàn dữ liệu và phục vụ cho công tác kiểm tra kiểm soát và tránh lệ thuộc quá nhiều vào máy tính cũng như để đề phòng các rủi ro hay tai nạn có thể xảy ra. Điều này chứng tỏ công ty đã tuân thủ đúng nguyên tắc thận trọng trong công tác bảo quản và lưu trữ số liệu theo đúng chuẩn mực kế toán đã được ban hành.

3.1.2. Những hạn chế

Cùng với những mặt tích cực nêu trên, nếu đi vào chi tiết, công ty vẫn còn một số điểm hạn chế trong việc thực hiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

❖ **Về tài khoản kế toán**:

Hiện nay, công ty chưa mở tài khoản chi tiết cho TK 511 để theo dõi doanh thu cho từng mặt hàng cụ thể và chưa mở tài khoản chi tiết cho TK 632 để theo dõi giá vốn của từng mặt hàng

❖ **Về sổ sách sử dụng:**

Công ty chưa mở sổ chi tiết bán hàng nên không theo dõi doanh thu, giá vốn cho từng mặt hàng. Dẫn đến khó theo dõi được mặt hàng nào tiêu thụ nhanh và ngược lại, ảnh hưởng tới quyết định quản trị của lãnh đạo doanh nghiệp.

❖ **Về việc áp dụng chiết khấu thương mại và chiết khấu thanh toán trong tiêu thụ**

- Chiết khấu thương mại: Công ty không áp dụng chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với số lượng lớn thì sẽ không kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm chậm khả năng tiêu thụ hàng.
- Chiết khấu thanh toán: công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không kích thích được khách hàng thanh toán trước hạn.

❖ ***Về việc ứng dụng công nghệ thông tin***

Tuy công tác kế toán được thực hiện trên Excel đã phần nào giảm bớt được khối lượng công việc cho kế toán nhưng do không áp dụng phần mềm kế toán trong công tác kế toán nên nhà quản trị và nhân viên kế toán gặp không ít khó khăn. Cụ thể:

Đối với nhà quản trị sẽ phải phân chia bộ phận kế toán sao cho mỗi kế toán phụ trách một phần hành kế toán dẫn đến tốn kém nhân sự. Mặt khác khi muốn xem báo cáo ở một thời điểm bất kỳ thì phải đợi kế toán cập nhập và tính toán đầy

đủ các thông tin tổng hợp vì vậy nhà quản trị không thể kiểm soát và tra cứu thông tin nhanh chóng, tức thời.

Đối với nhân viên kế toán mỗi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải hạch toán vào các chứng từ, sổ sách liên quan nên phải cập nhập thông tin nhiều lần cho mỗi nghiệp vụ; tổng hợp thông tin khó khăn và dễ nhầm lẫn vì phải tính toán bằng tay, đặc biệt lên báo cáo tài chính rất vất vả…

3.2. Hoàn thiện kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang.

3.2.1. Hoàn thiện về tài khoản sử dụng

❖ **Cơ sở:** Dựa vào nhu cầu cần theo dõi chi tiết tài khoản giá vốn, doanh thu từng loại mặt hàng.

❖ **Nội dung:** Lập chi tiết các tài khoản của giá vốn và doanh thu

✓ TK 51111: Doanh thu bán Sơn

+ TK 511111: Doanh thu bán Sơn Expo Satin

+ TK 511112: Doanh thu bán Sơn Expo Water Block

+ TK 511113: Doanh thu bán Sơn Expo Poly Int

+ TK 511114: Doanh thu bán Sơn Expo Alkali Primer

+ TK 511115: Doanh thu bán Sơn Expo Emul In

+ TK 511116: Doanh thu bán Sơn Expo Ex-Proof

+ TK 511117: Doanh thu bán Sơn Expo Rainkote M

✓ TK 51112: Doanh thu bán Bột bả

+ TK 511121: Doanh thu bán Bột bả Expo Eillerfor

+ TK 511122: Doanh thu bán Bột bả Power Putty

+ TK 511122: Doanh thu bán Bột bả Wolf Power Putty

✓ TK 6321: Giá vốn bán Sơn

+ TK 63211: Giá vốn bán Sơn Expo Satin

+ TK 63212: Giá vốn bán Sơn Expo Water Block

+ TK 63213: Giá vốn bán Sơn Expo Poly Int

+ TK 63214: Giá vốn bán Sơn Expo Alkali Primer

+ TK 63215: Giá vốn bán Sơn Expo Emul In

+ TK 63216: Giá vốn bán Sơn Expo Ex-Proof

+ TK 63217: Giá vốn bán Sơn Expo Rainkote M

✓ TK 6322: Giá vốn bán Bột bả

+ TK 63221: Giá vốn bán Bột bả Expo Eillerfor

+ TK 63222: Giá vốn bán Bột bả Power Putty

+ TK 63223: Giá vốn bán Bột bả Wolf Power Putty

❖ **Tác dụng**: Dễ dàng, kiểm tra đối chiếu tài khoản trên sổ Cái, sổ Nhật ký chung, sổ tổng hợp

3.2.2. Hoàn thiện sổ sách sử dụng

❖ **Cơ sở:** Dựa trên nhu cầu cần đối chiếu kiểm tra nhanh doanh thu, giá vốn của từng loại mặt hàng

❖ **Nội dung:** Lập sổ chi tiết bán hàng và chi tiết giá vốn hàng bán

❖ **Tác dụng:** Mở sổ chi tiết bán hàng và chi tiết giá vốn cho từng mặt hàng để theo dõi doanh thu, giá vốn đồng thời thấy rõ lợi nhuận gộp của từng mặt hàng từ đó thấy được mặt hàng nào tiêu thụ mạnh, mặt hàng nào tiêu thụ chậm, giúp nhà quản trị có được những quyết định kinh doanh đúng đắn.

Sổ chi tiết bán hàng TK 511111

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang

Địa chỉ: Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh-Cát Dài-Lê Chân-Hải Phòng

Mẫu số S17-DNN

Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Sơn Expo Satin

Tháng 12/2012

NTGS	Chứng từ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
1/12	HĐ 0079775	1/12	Bán Sơn Expo Satin	131	10	1.390.000	13.900.000		
1/12	HĐ 0079775	1/12	Bán Sơn Expo Satin	131	132	1.180.500	155.826.000		
6/12	HĐ 0079776	6/12	Bán Sơn Expo Satin	131	69	953.510	65.792.190		
6/12	HĐ 0079776	6/12	Bán Sơn Expo Satin	131	26	959.820	24.955.320		
6/12	HĐ 0079776	6/12	Bán Sơn Expo Satin	131	76	1.049.540	79.765.040		
6/12	HĐ 0079776	6/12	Bán Sơn Expo Satin	131	57	872.520	49.733.640		
6/12	HĐ 0079776	6/12	Bán Sơn Expo Satin	131	6	1.380.310	8.281.860		
			……						
			Cộng số PS - Dthu thuần - Gv hàng bán - Lãi gộp				576.456.790 576.456.790 540.569.100 35.887.690		

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng (Ký, họ tên)

Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang

Địa chỉ: Số 49/175 Nguyễn Đức Cảnh-Cát Dài-Lê Chân-Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

TK: 63211

Tên sản phẩm: Sơn Expo Satin

Tháng 12/2011

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Giá vốn hàng bán			
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
						Nợ	Có
PX 01	1/12	Xuất bán Sơn Expo satin	156	10	1.380.310	13.803.100	
PX 01	1/12	Xuất bán Sơn Expo satin	156	27	959.820	25.915.140	
PX 01	1/12	Xuất bán Sơn Expo satin	156	132	1.171.280	154.608.960	
PX 01	1/12	Xuất bán Sơn Expo satin	156	30	1.288.650	38.659.500	
PX 02	6/12	Xuất bán Sơn Expo satin	156	76	1.049.540	79.765.040	
PX 02	6/12	Xuất bán Sơn Expo satin	156	57	872.520	49.733.640	
PX 02	6/12	Xuất bán Sơn Expo satin	156	6	1.380.310	8.281.860	
		.....					
		Cộng phát sinh				540.569.100	

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Người ghi sổ — Kế toán trưởng

(Ký, họ tên) — (Ký, họ tên

3.2.3. Áp dụng chính sách chiết khấu thương mại chiết khấu thanh toán trong tiêu thụ hàng hóa

Đối với chiết khấu thương mại

❖ ***Cơ sở:***

Nền kinh tế thị trường mở cửa cho sự phát triển mạnh mẽ của nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước. Vì vậy làm cách nào cạnh tranh lành mạnh, thu hút được khách hàng, giữ vững vị trí giữa các doanh nghiệp cùng ngành nghề, lĩnh vực luôn là mối quan tâm của bất cứ doanh nghiệp nào. Việc đơn vị áp dụng các chính sách ưu đãi khiến làm tăng lượng khách hàng, từ đó tăng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

❖ ***Nội dung:***

Chiết khấu thương mại: là khoản tiền mà doanh nghiệp bán đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do họ đã mua hàng (sản phẩm hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng).

Tỷ lệ chiết khấu: Hiện nay, không có một văn bản chính thức nào quy định cụ thể về mức chiết khấu thương mại, công ty có thể căn cứ vào sản lượng tiêu thụ, giá bán thực tế của công ty, giá bán của đối thủ cạnh tranh, giá bán bình quân của sản phẩm trên thị trường để đưa ra một tỷ lệ chiết khấu phù hợp nhất. Đồng thời công ty có thể tính toán tỷ lệ chiết khấu đầu vào được hưởng khi mua nhiều để xây dựng chính sách chiết khấu thương mại riêng phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty.

Xử lý chiết khấu thương mại:

- Tài khoản sử dụng TK 521: Chiết khấu thương mại
- Phương pháp hạch toán

Khi phát sinh nghiệp vụ

Nợ TK 521: Chiết khấu thương mại

Nợ TK 33311: Thuế GTGT tương ứng

Có TK 131, 111, 112:

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521: Chiết khấu thương mại

❖ ***Tác dụng:***

Công ty áp dụng chiết khấu thương mại cho những khách hàng mua với số lượng lớn thì sẽ kích thích được việc khách hàng mua với số lượng lớn làm tăng khả năng tiêu thụ hàng.

Đối với chiết khấu thanh toán

❖ ***Cơ sở:***

- Công ty có thể xây dựng chính sách chiết khấu thanh toán dựa vào lãi suất của ngân hàng tại thời điểm phát sinh.
- Công ty có thể tham khảo chính sách chiết khấu của các doanh nghiệp đi trước kết hợp chiến lược kinh doanh cho phù hợp.

❖ ***Nội dung:***

Xây dựng tỷ lệ chiết khấu: Tùy thuộc vào đối tượng và thời hạn thanh toán mà công ty có thể đưa ra những tỷ lệ (%) chiết khấu phù hợp. Thông thường tỷ lệ chiết khấu thanh toán là từ 1% – 2% trên tổng giá thanh toán.

Xử lý chiết khấu thanh toán

- Tài khoản sử dụng TK 635 - Chi phí hoạt động tài chính
- Phương pháp hạch toán:

Khi phát sinh nghiệp vụ.

Nợ TK 635 – Chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Có TK 131, 111, 112…

Cuối năm, kết chuyển chiết khấu thanh toán cho khách hàng

Nợ TK 911: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh

Có TK 6353 – Chiết khấu thanh toán cho khách hàng

❖ ***Tác dụng:***

Việc áp dụng chính sách chiết khấu cũng đem lại hiệu quả trong việc làm tăng lượng khách hàng, tăng doanh thu và thúc đẩy việc thu hồi vốn để tái sản xuất đầu tư.

3.2.4. Sử dụng phần mềm kế toán

❖ **Cơ sở**: Sử dụng phần mềm như là một bước tiến phát triển của ngành kế toán, nhà quản trị muốn kiểm soát và tra cứu thông tin nhanh chóng, tức thời.

❖ **Nội dung**: Hiện nay trên thị trường có nhiều phần mềm kế toán, công ty có thể lựa chọn một phần mềm kế toán phù hợp với công ty mình. Phần mềm kế toán FAST

- Fast accounting (Phiên bản 10.10) mang những tính năng nổi bật như có thể chạy trên mạng nhiều người sử dụng hoặc máy đơn lẻ, tự động hóa xử lý số liệu (tự động phân bổ chi phí mua hàng, …), quản lý số liệu liên năm giúp thuận lợi trong so sánh số liệu giữa các kỳ kế toán, quản lý số liệu của nhiều cơ sở, tiện ích khi nhập số liệu (có thể chuyển từ màn hình nhập số liệu này sang màn hình nhập số liệu khác chỉ bằng thao tác kích chuột phải, xem báo cáo trong khi đang nhập dữ liệu, giao diện bằng hai ngôn ngữ Anh và Việt…). Đây là dòng sản phẩm được các doanh nghiệp dùng nhiều nhất.

❖ **Tác dụng:**

➢ Ít tốn thời gian: Đây là một trong những khía cạnh tốt nhất khi sử dụng phần mềm kế toán. Phần mềm kế toán được thiết kế phù hợp giúp doanh nghiệp giải quyết tất cả các phép tính phức tạp mà chỉ cần nhập số liệu và làm thao tác in.

➢ Chính xác: Các chương trình kế toán có độ chính xác rất cao và hiếm khi gây ra lỗi. Sai sót duy nhất của doanh nghiệp gặp phải có thể do nhập sai dữ liệu và thông tin sai lệch ngay từ ban đầu.

➢ Dễ sử dụng: Phần hết các phần mềm kế toán đều dễ sử dụng và dễ hiểu. Doanh nghiệp chỉ cần thời gian cài đặt chương trình và nhập dữ liệu vào hệ thống. Mỗi phần mềm kế toán đều có phần hướng dẫn cài đặt và sử dụng nên kế toán doanh nghiệp có thể sử dụng nó một cách dễ dàng.

➢ Phát triển theo công ty: Hầu hết các phần mềm kế toán có khả năng phát triển theo tốc độ tăng trưởng của công ty. Với việc thay đổi về nhu cầu quản lý tài chính của công ty, người dùng hoàn toàn có thể nâng cấp lên phiên bản tốt hơn hay mở rộng quy mô ứng dụng.

Bên cạnh đó việc sử dụng phần mềm còn giúp ích rất nhiều cho công tác quản lý cũng như kế toán doanh nghiệp. Cụ thể:

➢ Đối với ban quản lý:

+ Nắm được các thông tin tức thời từ các hoạt động của công ty khi truy cập trực tiếp trên chương trình phần mềm.

+ Có được câu trả lời nhanh từ bộ phận kế toán các câu hỏi có liên quan tới sản xuất kinh doanh.

+ Tiết kiệm thời gian quản lý tài chính cho lãnh đạo ít nhất 50%.

+ Có các thông tin thể hiện dưới dạng bảng biểu, con số thống kê, đồ họa minh họa.

+ Ban lãnh đạo có khả năng truy xuất trực tiếp trên phần mềm để xem các báo cáo, tìm kiếm thông tin, phân tích thông tin trên cơ sở dữ liệu tài chính của công ty.

+ Ban lãnh đạo hoàn toàn chủ động với số liệu kế toán, tài chính, nắm được cơ chế hoạt động cả khả năng đáp ứng. Từ đó, có thể yêu cầu các bộ phận có liên quan báo cáo các thông tin cần thiết một cách chính xác.

➢ Đối với bộ phận kế toán tài chính:

+ Có được giải pháp chuẩn, quy trình chuẩn và kế toán, tài chính tuân thủ hoàn toàn theo quy định của Bộ Tài Chính và pháp luật Việt Nam.

+ Hỗ trợ tối đa công tác hạch toán, làm sổ sách theo các quy định.

+ Thực hiện các chức năng kế toán quản trị để phục vụ yêu cầu của Ban lãnh đạo.

+ Đối với các bộ phận khác: Quan hệ giữa các phòng ban trở lên thuận tiện hơn, có thông tin nhanh. Phối kết hợp thông tin giữa các phòng ban tránh các công việc trùng lặp.

KẾT LUẬN

Trong điều kiện kinh doanh của nền kinh tế thị trường như hiện nay để đứng vững và không ngừng phát triển là một vấn đề hết sức khó khăn đối với mỗi doanh nghiệp. Kế toán với vai trò là công cụ quản lý kinh tế tài chính ở các doanh nghiệp thương mại cũng cần phải thay đổi và hoàn thiện hơn cho phù hợp với tình hình mới để giúp cho doanh nghiệp quản lý tốt hơn mọi mặt hoạt động kinh doanh đồng nghĩa với việc tăng lợi nhuận tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Do vậy việc tìm hiểu và phân tích một cách chính xác đầy đủ tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh là một trong những nội dung quan trọng, thiết yếu giúp đưa ra những giải pháp hoàn thiện gắn liền với việc đánh giá và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang, em thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty là tốt, phù hợp với quy định của pháp luật và của Bộ tài chính. Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế nhất định mà công ty nên tìm cách khắc phục.

Từ những kiến thức có được trong thời gian qua giúp em có thể hoàn thành được Khóa luận tốt nghiệp của mình với đề tài **"Hoàn thiện kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang"**

Em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến cô giáo Thạc sĩ Lê Thị Nam Phương cùng Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang

Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2012

Sinh viên

Nguyễn Thị Lương

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ

Ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài chính - Nhà xuất bản tài chính.

2. Luận văn tốt nghiệp khoá trước.

3. Website: Webketoan. com

Website: Tapchiketoan.com

4. Và một số tài liệu sổ sách do Công ty TNHH TM Chung Hằng cung cấp.

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1
Chương 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÁC DOANH NGHIỆP THƯƠNG MẠI 9
1.1. Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác đinh kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại 9
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 9
1.1.2. Khái niệm và phân loại doanh thu trong doanh nghiệp thương mại 9
1.1.3. Khái niệm và phân loại chi phí trong các doanh nghiệp thương mại 12
1.2. Kế toán doanh thu, chi phí trong các doanh nghiệp thương mại 14
1.2.1. Kế toán doanh thu 14
1.2.2. Kế toán chi phí 21
1.2.4. Kế toán các khoản thu nhập và chi phí từ hoạt động khác. 35
1.2.5. Kế toán xác định kết quả trong các doanh nghiệp thương mại 39
1.3. Hình thức ghi sổ kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả trong các doanh nghiệp thương mại 42
1.3.1. Hình thức Nhật ký chung. 43
1.3.2. Hình thức Nhật ký – sổ cái 44
1.3.3. Hình thức Chứng từ ghi sổ 45
1.3.4. Hình thức kế toán trên máy tính 46
Chương 2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ TIÊU THỤ TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH QUANG 47
2.1. Tổng quan về công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang 47
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty 47
2.1.2 Đặc điểm hoạt động của công ty 48
2.1.3 Nguyên tắc hoạt động của công ty 49

2.1.5 Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của công ty. 50
2.1.6 Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban 50
2.2. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang 51
2.2.1. Cơ cấu tổ chức của công ty: 51
2.2.2. Tổ chức công tác kế toán tại doanh nghiệp.....53
2.3. Thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang 55
2.3.1. Phương thức bán hàng.....55
2.3.2. Kế toán doanh thu 56
2.3.3. Kế toán giá vốn hàng bán 56
2.3.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh 61
2.3.5. Kế toán doanh thu tài chính 67
2.3.6. Kế toán xác định kết quả tiêu thụ tại công ty.....72
Chương 3 HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ, DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ MINH QUANG 84
3.1. Đánh giá thực trạng về công tác kế toán tại công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang. 84
3.1.1. Những ưu điểm 84
3.1.2. Những hạn chế 87
3.2. Hoàn thiện kế toán chi phí, doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại dịch vụ Minh Quang. 88
KẾT LUẬN..... 96